

PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRƯỚC NHỮNG BIẾN ĐỘNG LỚN TRÊN THẾ GIỚI

MỤC LỤC

I. Những tác động của tình hình Bắc phi và Trung Đông đến Việt Nam	3
<i>1. Bất ổn chính trị tại các nước Bắc Phi và Trung Đông</i>	<i>3</i>
<i>2. Những tác động của tình hình Bắc phi và Trung Đông đến Việt Nam</i>	<i>4</i>
2.1. Về chính trị	4
2.2. Về kinh tế	5
II. Những tác động tới Việt Nam từ thảm họa động đất, sóng thần và sự cố hạt nhân ở Nhật Bản.....	11
<i>1. Thảm họa động đất, sóng thần và sự cố hạt nhân ở Nhật Bản</i>	<i>11</i>
<i>2. Một số tác động tới kinh tế - xã hội Nhật Bản</i>	<i>11</i>
<i>2. Tác động của thảm họa tại Nhật Bản đến kinh tế thế giới</i>	<i>12</i>
<i>3. Những tác động của thảm họa tại Nhật Bản tới Việt Nam.....</i>	<i>16</i>
3.1 Tác động của thảm họa tới kinh tế - xã hội Việt Nam	16
3.2. Tác động tới kế hoạch phát triển năng lượng hạt nhân ở Việt Nam	19
3.3. Cơ hội cho Việt Nam	20
III. Ảnh hưởng của biến động địa chất và biến đổi khí hậu toàn cầu.....	21
<i>1. Hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu và tác động tới Việt Nam</i>	<i>21</i>
<i>2. Biến đổi địa chất và tác động đến Việt Nam.....</i>	<i>23</i>
<i>3. Một số chú ý nhằm hạn chế tác động của biến đổi khí hậu và biến đổi địa chất đến Việt Nam</i>	<i>26</i>
IV. Tác động đến Việt Nam của diễn biến kinh tế thế giới, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế	27

1. Diễn biến kinh tế thế giới, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế	27
2. Tác động đến Việt Nam	31
2.1. Tác động đến kinh tế Việt Nam	31
2.2. Tác động tới lĩnh vực tài chính – tiền tệ	32
2.3. Tác động từ xu hướng tái cấu trúc nền kinh tế và tái cấu trúc ngành tài chính – ngân hàng	33
2.4. Tác động từ xu hướng dịch chuyển của dòng vốn thế giới	34
V. Tổng kết	34
1. Cơ hội và kịp thời tận dụng cơ hội-thách thức và kịp thời vượt qua thách thức..	34
1.1. Cơ hội và kịp thời tận dụng cơ hội.....	34
1.2. Thách thức và kịp thời vượt qua thách thức	35
2. Điều kiện và nguồn lực để thành công	39
2.1. Điều kiện có tính chất quyết định: tăng cường và phát huy nội lực của dân tộc..	39
2.2. Điều kiện có vai trò rất quan trọng: tranh thủ ngoại lực, xác định và thực hiện chính sách đối ngoại đúng đắn	41

I. Những tác động của tình hình Bắc Phi và Trung Đông đến Việt Nam

1. Bất ổn chính trị tại các nước Bắc Phi và Trung Đông

Từ đầu năm 2011, thế giới đã đặc biệt chú ý đến Bắc Phi và Trung Đông, nơi tình trạng bất ổn về chính trị đang lan rộng, gây ra những đảo lộn mạnh mẽ ở các nước này cùng những hệ lụy đáng kể đối với khu vực và thế giới. Khởi nguồn từ làn sóng biểu tình phản kháng chính quyền ở Tuynidi, các cuộc biểu tình, nổi dậy, phản đối chính quyền đương nhiệm đã lan nhanh và diễn ra rầm rộ ở một loạt các nước như Angiêri, Ai Cập, Yemen, Gioocđani, Baranh... và nghiêm trọng nhất là Libi. Các động thái trấn áp các cuộc biểu tình cũng như phong tỏa hệ thống truyền thông, báo chí và internet của chính phủ những nước này không những không hiệu quả mà trái lại càng làm cho tình hình tồi tệ hơn.

Cuộc “Cách mạng hoa nhài”, cái tên mà các nước phương Tây đặt cho các cuộc biểu tình ở Tuynidi, bắt đầu hôm 17/01/2011 với việc tự thiêu của một công dân nước này do quá phẫn uất về việc bị cảnh sát tịch thu gánh hàng rong. Hình ảnh này sau đó nhanh chóng được lan truyền trên mạng và làm dấy lên làn sóng biểu tình phản kháng chính quyền, từ việc đòi dân sinh đơn thuần đến chống tham nhũng, đòi Tổng thống phải từ chức. Trước sức ép dữ dội từ dư luận, chỉ vài ngày sau đó, Tổng thống Ben Ali đã phải chấp nhận từ chức sau hơn 24 năm cầm quyền.

Cuộc Cách mạng này đã nhanh chóng lan tới Ai Cập, mở đầu bằng sự kiện “Ngày nổi giận” (25/1/2011) với các cuộc biểu tình của hàng chục nghìn thanh niên, sinh viên, trí thức. Mục tiêu của các cuộc biểu tình ban đầu là đòi dân sinh, chống thất nghiệp, chống tham nhũng, đòi tự do, dân chủ, tiếp đến là đòi sửa đổi Hiến pháp, giải tán Quốc hội và đòi Tổng thống Mu-ba-rắc từ chức. Sau những nỗ lực tuyệt vọng, từ huy động quân đội, cảnh sát vũ trang để ngăn chặn những người biểu tình, rồi nhượng bộ bằng việc giải tán Chính phủ, thực hiện cải cách dân chủ..., trước áp lực từ các cuộc biểu tình cùng sức ép của Mỹ và phương Tây, Tổng thống Mu-ba-rắc đã buộc phải chấp nhận từ chức ngày 11/02/2011 trao quyền điều hành đất nước cho quân đội.

Tiếp đó, tại Yemen, làn sóng biểu tình chống Chính phủ đã diễn ra từ ngày 03/02/2011 với sự tham gia của hàng nghìn người. Trước sức ép của lực lượng biểu tình, Tổng thống Ali Áp-đu-la Xalê đã phải chấp nhận đình chỉ những điều khoản sửa đổi Hiến pháp cho phép ông có thể tại vị suốt đời.

Tại Libi, ngày 17/02/2011, một cuộc biểu tình dân chủ quy mô lớn của hàng chục nghìn người được tập hợp thông qua các trang mạng xã hội như Facebook, Youtube, Twitter... và điện thoại di động. Tiếp đó, hàng loạt các cuộc biểu tình và nổi dậy của dân chúng đã nổ ra ở nước này từ giữa tháng 2/2011. Việc chính quyền của Tổng thống Ca-đa-phi đàn áp dẫn đến nhiều thương vong đã gây bất bình lớn trong

một bộ phận dân chúng. Từ đó, lực lượng biểu tình đã tự vũ trang thành lực lượng đối lập chống Chính phủ, đánh chiếm thành phố Bengadi và phần lớn miền Đông,¹ tiếp tục tuyên chiến sang miền tây, đe dọa thủ đô Tripoli. Đất nước Libi có nguy cơ chìm sâu vào một cuộc nội chiến đẫm máu. Tình hình càng trầm trọng, khi ngày 19/3/2011, dưới danh nghĩa thực thi Nghị quyết 1973 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về thiết lập "vùng cấm bay" trên toàn lãnh thổ Libi, liên quân do Anh, Pháp, Mỹ đứng đầu, đã tiến hành chiến dịch quân sự "Bình minh Odyssey" không kích nhiều mục tiêu trên đất Libi, gây tổn thất cho chính quyền Cadaphi, và cũng làm nhiều người dân chết và bị thương.

Từ “Cuộc Cách mạng hoa nhài” ở Tuynidi, làn sóng biểu tình phản kháng chính phủ đã lan rộng sang 16/24 quốc gia khác tại Bắc Phi và Trung Đông như Angiêri, Ma Rốc, Yemen, Iran, Baranh, Ôman, Các tiểu vương quốc A-rập thống nhất, A-rập Xê-út và Gioóc-đa-ni, Xu-đăng,... Tình hình trên không chỉ tạo ra những bất ổn, xáo trộn trong khu vực, mà còn gây nên mối quan ngại sâu sắc cho các quốc gia khác trên thế giới, làm tồi tệ thêm cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay.

Biến động chính trị tại các nước Bắc Phi và Trung Đông vẫn đang tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp và đứng trước nguy cơ lan rộng. Với vị trí chiến lược quan trọng và tính nhạy cảm của tình hình an ninh chính trị của khu vực này chắc chắn nó sẽ còn tác động nhiều chiều, khó lường đối với các nước và khu vực trên thế giới, trong đó có khu vực Đông Nam Á trong đó có Việt Nam.

2. Những tác động của tình hình Bắc phi và Trung Đông đến Việt Nam

2.1. Về chính trị

Thứ nhất, diễn biến ở Bắc Phi và Trung Đông đã trở thành cơ hội để các thế lực thù địch, đẩy mạnh việc kích động, tung tin đồn thất thiệt, thổi phồng, bóp méo sự thật, hòng gây mất ổn định chính trị ở nước ta.

Thứ hai, các thế lực nước ngoài sẽ tìm cách tác động đến nước ta nhằm lợi ích của họ. Lưu ý rằng, cùng với Trung Quốc, Ấn Độ, Iran và Myanmar, Việt Nam bị Mỹ xếp vào danh sách “những nước hạn chế Internet”. Tình hình trên đòi hỏi Việt Nam phải đề cao cảnh giác trước âm mưu và thủ đoạn kích động.

Thứ ba, xa hơn, khủng hoảng chính trị ở Bắc Phi và Trung Đông đang thu hút sự quan tâm, can dự của Mỹ và các nước lớn, do đó không loại trừ khả năng dàn xếp về quyền lực giữa các nước lớn tại khu vực có thể tác động nhất định đến an ninh Đông Nam Á. Lịch sử đã cho thấy phương tiện mặc cả bằng “trò chơi thỏa hiệp” quyền lực

¹ Thái Văn Long, Biến động chính trị ở Bắc Phi, Trung Đông và một số ảnh hưởng đến Việt Nam, Tạp chí Lý luận chính trị - Số tháng 4/2011

giữa các nước lớn ở một khu vực này thường có những hệ lụy đến các khu vực khác. Nếu điều đó diễn ra, các nước Đông Nam Á trong đó có Việt Nam có thể gặp những khó khăn, phức tạp trong chính sách cân bằng quan hệ với các nước lớn tại khu vực...²

2.2. Về kinh tế

Bên cạnh những ảnh hưởng về chính trị - xã hội nêu trên, những bất ổn khu vực Bắc Phi và Trung Đông còn gây ra các tác động về mặt kinh tế tới không chỉ các nước trong khu vực mà còn tới tiến trình phục hồi kinh tế thế giới. Ngay khi làn sóng biểu tình ở các nước Bắc Phi và Trung Đông nổ ra, giá cả nhiều mặt hàng, đặc biệt là giá vàng và dầu mỏ đã leo thang lên mức kỷ lục khiến nền kinh tế giới vốn chưa kịp phục hồi lại phải đối mặt với những nguy cơ khủng hoảng mới.

Là một trong những nước có quan hệ kinh tế - thương mại với các quốc gia trong khu vực Bắc Phi và Trung Đông đồng thời vốn phụ thuộc vào nguồn nhiên liệu xăng dầu nhập khẩu, Việt Nam cũng phải gánh chịu những thiệt hại kinh tế từ biến động chính trị hiện nay.

(i) Tác động từ việc giá vàng và dầu mỏ tăng cao

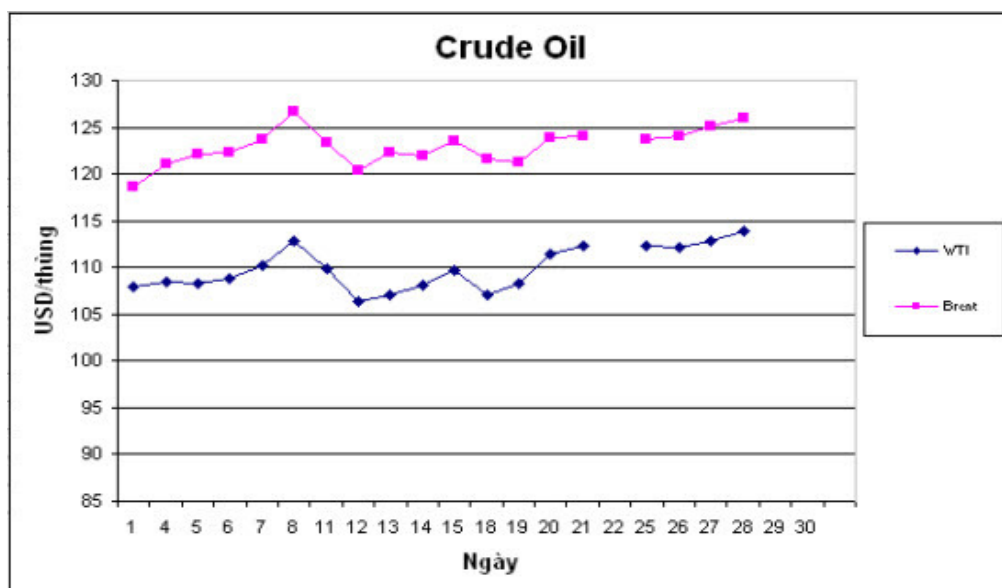
Cùng với thiên tai và khủng hoảng hạt nhân tại Nhật, những diễn biến tại Trung Đông và Bắc Phi đang làm tăng giá dầu, khi bất ổn ở khu vực chiếm hơn một nửa số thành viên của Tổ chức Xuất khẩu dầu mỏ Thế giới (OPEC) này đang thổi bùng lo ngại về nguy cơ nguồn cung bị gián đoạn. Ngay từ 01/02/2011, giá dầu thô đã bị đẩy lên trên 100 USD một thùng, lần đầu tiên kể từ tháng 9/2008 và tiếp tục leo dốc trong các phiên giao dịch tiếp theo³, gây thiệt hại lớn đối với các nước nhập khẩu dầu, đặc biệt là các nền kinh tế ở Đông Á và Tây Âu, đẩy nhiều nước vào tình thế khó khăn hơn, đe dọa sự phục hồi vốn còn bấp bênh của nền kinh tế thế giới.

Giá dầu Brent bán ra tại thị trường Luân Đôn (Anh) đã có lúc vọt trên 125 USD/thùng, và hơn 108 USD/thùng tại thị trường New York - hai sự kiện chưa từng thấy kể từ tháng 9/2008, thời điểm nổ ra cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Nguyên nhân là do khối lượng khai thác dầu mỏ tại một loạt các nước xảy ra biến động chính trị sụt giảm. Chẳng hạn, khối lượng khai thác dầu của Libi giảm đi 4 lần. Các tập đoàn dầu khí lớn nhất thế giới như BP, Eni, Total, Statoil, Shell đã tạm dừng hoạt động ở Libi và nước này không còn cung cấp dầu mỏ cho thị trường thế giới. Toàn bộ sản lượng 1,6 triệu thùng dầu mỗi ngày của Libi (chiếm khoảng 2% thị phần dầu thô toàn thế giới) kể như không còn kể từ tháng 2/2011. Giới đầu cơ đã lợi dụng ngay tình hình này, đẩy giá dầu lên cao.

³ Nguyễn Việt, Bất ổn Trung Đông - Bắc Phi và cơn ác mộng giá dầu mỏ, Dân trí, 20/02/2011

Giá dầu thô WTI bình quân tháng 3/2011 là 103,03 USD/thùng - tăng 14,33% so với cùng kỳ tháng 2/2011, tương tự giá dầu thô Brent bình quân là 114,71 USD/thùng - tăng 10,68 USD/thùng hay 10,27%. Đặc biệt, giá dầu thô trong tháng 4/2011 đã tăng lên mức cao nhất trong gần 31 tháng qua do chiến sự căng thẳng tại Libi và bất ổn lan sang Nigeria và các nước Trung Đông. Giá dầu Brent đã có lúc lên tới trên 125 USD/thùng. Giá dầu thô WTI bình quân tháng 4/2011 là 109,85 USD/thùng tăng 6,82 USD (6,62%) so với tháng 3/2011, tương tự dầu thô Brent là 122,81 USD/thùng tăng 8,19 USD (7,14%).⁴

Hình 1: Biến động giá dầu thô thế giới tháng 4/2011



Theo phân tích của ngân hàng Barclays Capital, giá dầu sẽ lên đến 150 USD/thùng. Trong khi đó, các chuyên viên của ngân hàng Nhật Bản Nomura dự đoán mức giá 220 USD. Giới phân tích thừa nhận rằng, nếu các nước vùng vịnh Péc-xích cũng bị bao trùm bởi làn sóng bạo loạn thì giá dầu sẽ tiếp tục gia tăng và đạt những kỷ lục lịch sử mới. Có lo ngại cho rằng giá dầu sẽ lên đến 300 USD/thùng nếu tình trạng này tiếp diễn.⁵

Tình trạng mất ổn định chính trị hiện nay tại Trung Đông không những được xem là một khó khăn địa chính trị rất lớn đối với phương Tây, đặc biệt Mỹ, mà còn là "con ác mộng" đe dọa Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc và các nền kinh tế lớn khác ở Châu Á. Bởi lẽ, giá dầu mỏ tăng mạnh sẽ gây mất cân bằng thương mại toàn cầu, gia tăng lạm phát, tăng sức ép buộc các ngân hàng trung ương phải tăng lãi suất, từ đó tác động tiêu cực đến phục hồi kinh tế thế giới, tác động đến quá trình tái cơ cấu kinh tế và địa-chính trị.

⁴ Petrolimex, Bản tin thị trường xăng dầu số 26, 28, <http://xangdau.net>, 2011

⁵ Hà Khoa, Trung Đông-Bắc Phi bất ổn, dầu mỏ tiếp tục lĩnh hậu quả, 07/4/2011, <http://www.tinmoi.vn>

Điều này cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến Việt Nam. Nước ta hiện nay nhập khẩu tới 70% nhu cầu xăng dầu, chính vì vậy, giá dầu thô tăng cao đã gây sức ép tăng giá xăng dầu trong nước. Từ đầu năm tới nay, giá xăng dầu trong nước đã qua 2 lần điều chỉnh tăng giá.

Lần thứ nhất, ngày 24/2/2011, giá bán lẻ xăng dầu trong nước đã được điều chỉnh theo sau sự tăng giá dầu mỏ do bất ổn khu vực Trung Đông và Bắc Phi. Có thể nói đây là đợt điều chỉnh tăng giá mạnh nhất từ trước đến nay đối với ngành xăng dầu.

Hộp 1: Điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu trong nước ngày 24/02/2011

- Xăng tăng 2.900 đồng/lít, từ 16.400 đồng/lít lên 19.300 đồng/lít (đối với xăng RON 92);
- Dầu diesel tăng 3.550 đồng/lít, từ 14.750 đồng/lít lên 18.300 đồng/lít (đối với diesel 0,05S);
- Dầu hỏa tăng 3.100 đồng/lít, từ 15.100 đồng/lít lên 18.200 đồng/lít;
- Dầu ma dút tăng 2.110 đồng/kg, từ 12.690 đồng/kg lên 14.800 đồng/kg.⁶

Tiếp đó, ngày 29/3/2011, giá xăng dầu trong nước lại tiếp tục điều chỉnh lần thứ hai trong năm 2011 do giá xăng dầu thế giới đã tăng 12-17% kể từ lần điều chỉnh thứ nhất hôm 24/02/2011.

Hộp 2: Điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu trong nước ngày 29/3/2011

- Xăng tăng 2.000 đồng/lít, từ 19.300 đồng/lít lên 21.300 đồng/lít (đối với xăng RON 92);
- Dầu diesel tăng 2.800 đồng/lít, từ 18.300 đồng/lít lên 21.100 đồng/lít (đối với dầu diesel 0,05S);
- Dầu hỏa tăng 2.600 đồng/lít, từ 18.200 đồng/lít lên 20.800 đồng/lít;
- Dầu Madut tăng 2.000 đồng/kg, từ 14.800 đồng/kg lên 16.800 đồng/kg.⁷

Việc tăng giá xăng dầu làm tăng chi phí sản xuất và biến thành một loại thuế mới đánh trực tiếp vào người tiêu dùng. Theo Cục trưởng Cục quản lý giá (Bộ Tài chính) Nguyễn Tiến Thỏa, việc điều chỉnh giá xăng dầu trong ngày 29/3 sẽ tác động trực tiếp và làm tăng chỉ số giá tiêu dùng năm 2010 lên thêm khoảng 0,4%⁸. Có thể nói, hai lần tăng giá xăng dầu trong nước vừa qua đã góp phần không nhỏ trong việc gia tăng áp lực lạm phát ở Việt Nam trong những tháng đầu năm 2011. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) từ đầu năm 2011 đến nay đã không ngừng tăng và ở mức rất cao. CPI trong tháng 4 bị đẩy lên tới 3,32%. CPI trong tháng 5 tuy có tăng chậm hơn nhưng vẫn ở mức cao 2,21%.

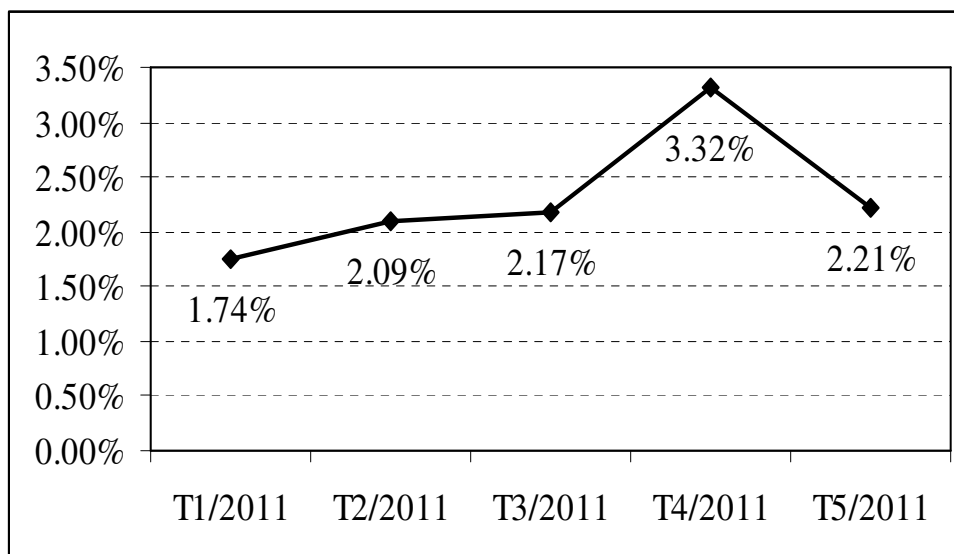
⁶ Hương Thủy, Xăng, dầu đồng loạt tăng giá mạnh từ 10g sáng 24-2, <http://www.hanoimoi.com.vn>, 24/02/2011

⁷ Petrolimex, Giá xăng tăng lên 21.300 đồng/lít, <http://www.petrokimex.com.vn>, 29/3/2011

⁸ Nhật Minh, Tăng giá xăng dầu làm lạm phát tăng 0,4%, www.vnexpress.net, 30/3/2011

Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2011, CPI đã tăng 11,53%, vượt qua mức mục tiêu kiềm chế lạm phát ở mức 7% mà Quốc hội đã đề ra cho cả năm 2011 (Hình 2).

Hình 2: Chỉ số giá tiêu dùng CPI trong 5 tháng đầu năm 2011



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ trang web Tổng Cục thống kê, 2011

Điều này tác động trước hết đến đời sống của người dân, đặc biệt là tầng lớp lao động nghèo ở Việt Nam, làm “nghèo hóa” tầng lớp cán bộ, viên chức làm công ăn lương. Tình hình càng trở nên khó khăn khi thế giới hiện đang trong cơn lốc tăng giá kép về dầu mỏ lẫn lương thực, làm tăng lạm phát.

Không chỉ vậy, giá xăng dầu tăng cao còn gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, làm chậm lại nhịp độ tăng trưởng kinh tế của đất nước. Bởi lẽ, tăng giá xăng dầu trong nước gắn với việc tăng chi phí đầu vào cũng như chi phí vận chuyển của doanh nghiệp, giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, việc tăng giá xăng dầu sẽ làm tăng sức ép buộc các ngân hàng trung ương phải tăng lãi suất. Điều này gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc vay vốn nhằm duy trì và mở rộng sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, bất ổn chính trị Bắc Phi và Trung Đông cũng đẩy giá vàng thế giới tăng cao kéo theo sự tăng lên của giá vàng trong nước. Trong tháng 4/2011, giá vàng đã có lúc tăng lên mức kỷ lục 1.467,07 đô la Mỹ/lượng.⁹ Do liên thông với thị trường thế giới, giá vàng trong nước cũng đã tăng cao. Chỉ riêng trong tháng 3/2011, giá vàng trong nước đã tăng 5% so với tháng trước đó. Như chúng ta đã biết, người Việt Nam có thói quen “neo” những tài sản có giá trị của mình theo vàng. Việc giá vàng tăng cộng với sự tăng giá của đồng đô la Mỹ khiến tiền đồng mất giá, kỳ vọng lạm

⁹ Thùy Chi, Giá vàng lập kỷ lục mới 1.467,07 USD mỗi ounce, <http://www.vietnamplus.vn>, 08/4/2011

phát theo đó càng tăng cao, góp phần đẩy mặt bằng giá cả trong nước lên, ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất của người dân và doanh nghiệp.

(ii) Tác động từ quan hệ thương mại Việt Nam – châu Phi sụt giảm

Việt Nam và các nước châu Phi có nhiều mối quan hệ tích cực từ những năm 60 của thế kỷ trước. Đến nay, Việt Nam đã ký Hiệp định khung về hợp tác kinh tế thương mại khoa học kỹ thuật với 17 nước châu Phi, Hiệp định thương mại song phương với 15 nước. Nhiều hoạt động xúc tiến thương mại tại thị trường châu Phi đã được Bộ Công Thương và các cơ quan hữu quan tích cực triển khai để hỗ trợ các doanh nghiệp xâm nhập thị trường và giao dịch, mở rộng hợp tác kinh doanh với các bạn hàng ở châu Phi.

Tháng 3/2009, Bộ Công Thương đã ban hành Chương trình hành động nhằm thực hiện Chương trình hành động quốc gia thúc đẩy quan hệ Việt Nam - châu Phi giai đoạn 2008-2010, trong đó chú trọng, đẩy mạnh trao đổi thương mại và hợp tác công nghiệp giữa Việt Nam với một số thị trường trọng điểm tại châu Phi. Nhà nước cũng đang có những chủ trương mới để thúc đẩy hơn nữa hợp tác Việt Nam - châu Phi thông qua Chương trình hành động quốc gia 2011- 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, theo đó nhiều công cụ pháp lý, tài chính, khuyến khích đầu tư sang châu Phi sẽ được ban hành.

Nhờ những hoạt động tích cực kể trên, kim ngạch buôn bán hai chiều giữa Việt Nam với các nước châu Phi đã tăng trưởng nhanh chóng, đạt mức trung bình 31% giai đoạn 2001-2007. Kim ngạch thương mại Việt Nam – châu Phi tăng từ 15,5 triệu USD năm 1991 lên 2,56 tỷ USD năm 2010. Năm 2008-2009, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, xuất khẩu của Việt Nam sang Châu Phi vẫn thu được những thành tựu đáng khích lệ. Năm 2008, các doanh nghiệp của ta đã xuất khẩu sang khu vực này 1,33 tỷ USD hàng hoá các loại, tăng 95% so với năm 2007. Năm 2009, kim ngạch xuất khẩu đạt 1,62 tỷ USD, tăng 22% so với năm 2008. Còn trong năm 2010, tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Châu Phi đạt 1,79 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2009 và tăng gấp 10 lần so với năm 2001. Sự gia tăng nhanh chóng của trao đổi thương mại với các nước châu Phi thể hiện tiềm năng thương mại cũng như sự năng động của doanh nghiệp hai bên. Với sức mua lớn và nhu cầu nhập khẩu cao, châu Phi là thị trường có nhiều tiềm năng để Việt Nam đẩy mạnh trao đổi thương mại.

Thị trường xuất khẩu của Việt Nam tại Châu Phi không ngừng được mở rộng. Cho tới nay, Việt Nam đã có trao đổi thương mại với tất cả 54 nước trong khu vực. Đáng chú ý là trong trao đổi thương mại với các nước Châu Phi, Việt Nam luôn ở thế xuất siêu. Về nhập khẩu, năm 2010 Việt Nam nhập từ Châu Phi khoảng 767 triệu

USD hàng hóa các loại, tăng khoảng 28% so với năm 2009. Dự kiến thời gian tới, kim ngạch thương mại Việt Nam - châu Phi có thể đạt 4 - 5 tỉ USD.

Trong lĩnh vực đầu tư, tính đến hết năm 2010, Việt Nam đã có 13 dự án tại 7 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 777,4 triệu USD. Tất cả các dự án này đều liên quan đến lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí. Mới đây, Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel cũng đã nhận được giấy phép đầu tư tại Mô-dăm-bích và đang triển khai hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ và cơ sở hạ tầng viễn thông. Về phía châu Phi, đến nay đã có 6 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với 13 dự án, tổng số vốn là 11,48 triệu USD.¹⁰

Do mối quan hệ kinh tế - thương mại đã khá phát triển giữa Việt Nam và khu vực châu Phi trong nhiều năm qua, bất ổn chính trị Bắc Phi và Trung Đông tác động tiêu cực đến lợi ích kinh tế - thương mại của Việt Nam.

Thứ nhất, sức tiêu thụ của khu vực Trung Đông và Bắc Phi đối với hàng xuất khẩu của các nước trong đó có Việt Nam bị thu hẹp đáng kể. Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường chính của châu Phi vẫn đạt 234 triệu USD trong quý I/2011, tăng 27% so với cùng kỳ năm ngoái, vượt chỉ tiêu xuất khẩu đề ra (19%). Tuy nhiên, kết quả này chủ yếu đạt được trong tháng 01/2011, còn trong hai tháng còn lại của quý I/2011, Việt Nam đã ngừng hoàn toàn các giao dịch xuất nhập khẩu với thị trường này. Những thị trường có kim ngạch xuất khẩu giảm gồm Angola, chỉ đạt 6 triệu USD (-63%), Ai Cập, 31 triệu USD (-9%), Nigeria, 11 triệu USD (-8%). Riêng đối với Libi và Tuynidi, trao đổi thương mại giữa Việt Nam với những nước này gần không có gì trong 3 tháng đầu năm.¹¹ Nếu bất ổn kéo dài Việt Nam sẽ còn phải gánh chịu thêm những thiệt hại về kinh tế từ việc đổ vỡ các mối quan hệ kinh tế - thương mại vốn đang được xây dựng và đã tương đối phát triển giữa Việt Nam với khu vực này.

Thứ hai, biến động chính trị - xã hội ở Bắc Phi và Trung Đông ảnh hưởng đến các dự án mà Việt Nam đã thỏa thuận với các nước trong khu vực này.

Thứ ba, bất ổn khu vực Bắc Phi và Trung Đông gây xáo trộn thị trường xuất khẩu lao động của Việt Nam, khiến hàng vạn lao động Việt Nam tại các nước này phải về nước. Kể từ khi xảy ra bất ổn cũng như nội chiến ở các nước này, Chính phủ Việt Nam đã phải chi những khoản tiền không hề nhỏ để sơ tán đưa công dân mình về nước cũng như giải quyết các hậu quả xã hội từ việc đó.

Việt Nam là một trong số các quốc gia có số lượng lao động làm việc tại Libi lên tới hơn 10.000 người. Trước tình hình nội chiến ở Libi, Chính phủ Việt Nam đã chỉ

¹⁰ Hoàng Đức Nhuận, Quan hệ hợp tác thương mại và công nghiệp Việt Nam-Châu Phi không ngừng phát triển

¹¹ Bộ Công Thương, Quý I: Xuất khẩu sang châu Phi tăng 27%, <http://www.ven.vn>, 02/5/2011

đạo quyết liệt các cấp, các ngành khẩn trương đưa toàn bộ số lao động Việt Nam từ Libi về nước. Những thiệt hại Việt Nam phải gánh chịu không chỉ là những phí tổn từ hoạt động trên mà còn là việc mất đi một nguồn thu đáng kể từ hoạt động xuất khẩu lao động, đó là chưa kể đến những vấn đề nảy sinh trong việc trợ giúp người lao động đột ngột mất việc làm. Không ít người trong số đó vừa mới ra nước ngoài, phải vay mượn tiền để lo thủ tục xuất khẩu nay phải trở về, cuộc sống càng khó khăn hơn với khoản nợ không nhỏ đối với họ.

II. Những tác động tới Việt Nam từ thảm họa động đất, sóng thần và sự cố hạt nhân ở Nhật Bản

1. Thảm họa động đất, sóng thần và sự cố hạt nhân ở Nhật Bản

Theo Cơ quan Khí tượng Nhật Bản, trận động đất xảy ra ngày 11/03/2011 có cường độ 9 độ richter, vị trí tâm chấn nằm ở độ sâu 10km ngoài khơi bờ biển Đông Bắc Nhật Bản. Theo cơ quan Khảo sát địa chất Mỹ, đây là trận động đất có cường độ lớn thứ 7 trong lịch sử nhân loại từng được ghi nhận; lớn thứ tư trong vòng 100 năm nay và lớn nhất trong lịch sử Nhật Bản.

Những diễn biến tiếp theo của trận động đất này là sóng thần và các cơn địa chấn. Sau khi xảy ra trận động đất, tại Nhật Bản đã ghi nhận hơn 200 cơn địa chấn, có những cơn mạnh đến 6 richter. Tại các thành phố ven biển, sóng thần đã cuốn nhiều tàu, thuyền vào khu vực bờ biển, đồng thời cuốn trôi nhiều ô tô trên các tuyến đường tại các thị trấn và cuốn trôi nhiều làng mạc ra biển. Các tổ hợp hóa dầu bốc cháy, cầu sập, đường xá ngập sâu trong nước biển. Sau trận động đất nhiều khu vực bờ biển của Nhật đã bị xê dịch khỏi vị trí ban đầu 4m. Trục trái đất bị dịch chuyển 16,5 cm; thời gian ban ngày ngắn hơn 1,8 phần triệu giây so với trước.

Tiếp theo thảm họa sóng thần, Nhật Bản lại phải tiếp tục đương đầu với thảm họa hạt nhân, mà nguyên nhân ban đầu cũng là do động đất và sóng thần gây ra tại nhà máy điện hạt nhân Fukushima I. Khi động đất xảy ra, các lò phản ứng hạt nhân đều tự động ngừng hoạt động. Song do hệ thống làm lạnh bị hư hỏng, hiện tượng tăng nhiệt trong lò phản ứng làm tích tụ khí hidro đã dẫn tới các vụ nổ ở cả 3 lò phản ứng số 1, 2, 3, và cháy ở lò số 4 gây ra hiện tượng rò rỉ phóng xạ ra khí quyển.

2. Một số tác động tới kinh tế - xã hội Nhật Bản

Thảm họa động đất, sóng thần và sự cố hạt nhân đã gây ra tổn thất nặng nề cho Nhật Bản. Hiện nay, số người đã được khẳng định là đã chết và mất tích ở Nhật Bản đã vượt quá con số 22.000; hơn 360.000 người bị mất nhà cửa và phải lánh nạn trong các trại sơ tán. Ba thành phố của Nhật Bản gần như bị xóa sổ. Nhiều cơ sở hạ tầng và nhà máy thuộc các ngành công nghiệp quan trọng như ô tô, hóa dầu, hạt nhân và chất bán dẫn tại khu vực Đông Bắc Nhật Bản đều bị tác động mạnh. Đến nay, ước tính

thiệt hại của Nhật Bản từ thảm họa có thể lên đến hơn 300 tỷ USD, cao hơn số thiệt hại của trận động đất Kobe năm 1995.

Nền kinh tế Nhật Bản đối mặt với nhiều khó khăn do những hậu quả của thảm họa động đất và sóng thần¹². Tình trạng thiếu điện tiếp diễn khi nhà máy điện hạt nhân ngừng hoạt động, chuỗi cung ứng sản phẩm chịu gián đoạn và giá dầu tăng cao đe dọa đến tăng trưởng kinh tế. Giá cả sản xuất tại Nhật Bản tháng 03/2011 tăng mạnh nhất trong vòng 28 tháng qua do giá hàng hóa và nguồn cung hạn chế. Xuất khẩu của Nhật Bản cũng bị ảnh hưởng nặng nề do lo ngại về thực phẩm bị nhiễm xạ. Trong báo cáo mới nhất của mình, IMF đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản năm 2011 xuống còn 1,4% từ mức 1,6% theo dự báo trước đó. Theo khảo sát của Reuters, 60% số doanh nghiệp Nhật Bản phải chịu ảnh hưởng tồi tệ do trận động đất gây ra.

Thảm họa thiên tai kép cùng với cuộc khủng hoảng hạt nhân đã khiến ngành công nghiệp Nhật Bản phải đối mặt với nhiều nguy cơ tiềm ẩn và tác hại lâu dài. Chính vì vậy, ngày càng có nhiều doanh nghiệp Nhật Bản xem xét chuyển hoạt động sản xuất ra nước ngoài. Theo ước tính ban đầu của các chuyên gia kinh tế, Nhật Bản sẽ phải chi ít nhất 180 tỷ USD, tương đương với 3% GDP của nước này, để phục hồi và tái thiết các khu vực chịu ảnh hưởng của động đất và sóng thần. Việc phải chi một khoản ngân sách lớn để tái thiết sẽ làm gia tăng gánh nặng tài chính trong bối cảnh kinh tế Nhật đang gánh khoản nợ công lớn gấp hai lần GDP. Cùng với nhiệm vụ tái thiết là giải quyết các vấn đề nhân đạo và khủng hoảng hạt nhân. Theo ước tính sơ bộ của các thiết chế tài chính quốc tế, quốc gia này phải cần ít nhất 5 năm để nền kinh tế phục hồi bằng mức trước xảy ra thảm họa. Ngoài ra, để tái thiết đất nước, Chính phủ Nhật Bản dự kiến sẽ cắt giảm 20% viện trợ phát triển chính thức (ODA), theo đó ODA của Nhật Bản cho các nước sẽ giảm 750 tỷ Yên (gần 7 tỷ USD) trong năm tài khóa 2011.

2. Tác động của thảm họa tại Nhật Bản đến kinh tế thế giới

Quá trình phục hồi kinh tế toàn cầu không thể thiếu sự tham gia của Nhật Bản, quốc gia có khối lượng thương mại, FDI và ODA hàng đầu trong các nền kinh tế. Kinh tế Nhật Bản đóng vai trò trung tâm trong hầu hết mọi lĩnh vực từ sản xuất ô tô, điện tử cho dịch vụ, du lịch, sắt thép,... Do vậy, thảm họa ở Nhật Bản tất yếu sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực cho nền kinh tế khu vực và thế giới.

¹² Cảng Sendai, Hachinohe, Ishinomake và Onahama bị phá hủy nghiêm trọng. Đây là nơi xuất đi nhiều hàng hóa của Nhật, như các sản phẩm cao su, máy móc văn phòng, linh kiện ô tô,... , 6 nhà máy lọc dầu với sản lượng 1,4 triệu thùng dầu mỗi ngày đã phải đóng cửa. Tập đoàn Sony, Toshiba đã phải ngưng nhiều nhà máy. Cả Honda, Nissan và Toyota đều phải chịu tổn thất nặng nề.

Tác động chung của thảm họa động đất và sóng thần Nhật Bản là làm giảm tổng cầu kinh tế thế giới. Thảm họa Nhật Bản có thể gây “cú sốc” lớn đối với sản xuất công nghiệp thế giới do Nhật Bản có vị trí đặc biệt quan trọng trong mạng sản xuất toàn cầu, nhiều công ty, nhiều tập đoàn của Nhật Bản chiếm giữ vị trí then chốt, thậm chí độc quyền trong chuỗi cung ứng các sản phẩm công nghiệp thế giới¹³. Các công ty này chịu tác động trực tiếp từ thảm họa do các cơ sở sản xuất cũng như mạng lưới cung ứng nội địa bị tàn phá, nhất là trong điều kiện các nhà máy điện hạt nhân (cung ứng tới 25% sản lượng điện toàn Nhật Bản) phải dừng hoạt động.

Tóm lại những tác động chủ yếu từ thảm họa Nhật Bản được thể hiện ở một số điểm sau:

Một là, làm gián đoạn hoạt động sản xuất của ngành công nghiệp điện tử và ô tô¹⁴: Đình trệ ở Nhật Bản sẽ làm gián đoạn hoạt động sản xuất trong ngành công nghiệp điện tử và ô tô ở một số nước. Tuy mức độ tiêu cực chỉ làm tạm thời ngắn hạn nhưng các nước này sẽ phải chuyển hướng tìm các nguồn cung ứng thay thế. Trong ngắn hạn, sự đình trệ nguồn cung những mặt hàng này có thể sẽ đẩy mặt bằng giá cả các linh kiện, phụ tùng thay thế và thậm chí là giá cả các sản phẩm cuối cùng tăng cao. Điều đó làm giảm sút khả năng kiểm chế lạm phát của một số nước.

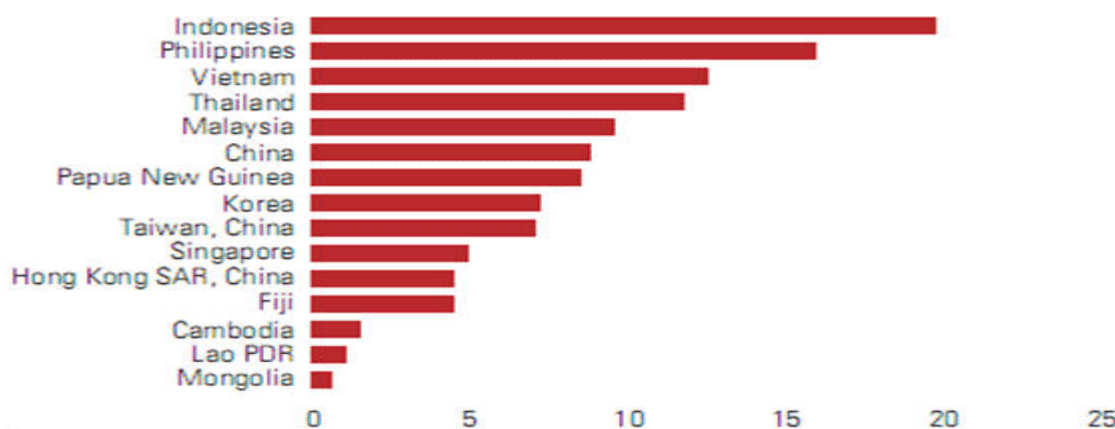
Hai là, tác động tiêu cực đến hoạt động xuất - nhập khẩu của các nước: Do sự gắn bó chặt chẽ của kinh tế Nhật Bản với khu vực, cũng như với toàn thế giới, khó khăn từ Nhật có thể ảnh hưởng đến các nước châu Á - Thái Bình Dương và đến kinh tế toàn cầu. Tính trung bình, giả sử Nhật Bản tăng trưởng GDP thực tế chậm lại bởi 0,25-0,5% vào giữa năm 2011, xuất khẩu của các nước phát triển Đông Á có thể chậm đến 0,75-1,5%. Bên cạnh đó, sự khó khăn của nền kinh tế Nhật Bản còn ảnh hưởng tới các quốc gia có nền công nghiệp hóa cao nhưng phụ thuộc vào xuất khẩu của Nhật Bản: Mỹ, Nga, Canada, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc¹⁵.

¹³ Nhật Bản là nhà cung cấp 80% linh kiện silicon, 40% linh kiện bán dẫn, 20% linh kiện điện tử, linh kiện ô tô, hóa chất, thép cao cấp, cùng nhiều sản phẩm đầu vào cho nền công nghiệp thế giới. Sản xuất ô tô, sản phẩm viễn thông, hàng điện tử gia dụng và máy văn phòng,...

¹⁴ Tác động mạnh nhất xảy ra là ở chuỗi cung ứng sản xuất hàng điện tử và ô tô toàn cầu. Nhật Bản là nơi sản xuất và cung ứng chip điện tử cho điện thoại thông minh và máy tính bảng và là cung ứng chính các loại màn hình tinh thể lỏng dùng cho các sản phẩm điện tử hàng đầu thế giới. Đối với ngành sản xuất ô tô, tình hình cũng tương tự.

¹⁵ Nhật Bản xuất khẩu sang các nước trong năm 2010: Châu Á tăng 56% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức 2.780 tỷ Yên, tương đương 30,7 tỷ USD. Trung Quốc tăng gần 48% trong tháng 2. Mỹ tăng 50%, đạt mức 837 tỷ Yên, tương đương 9,3 tỷ USD trong tháng 2.

Biểu đồ 1: Trung bình, xuất khẩu sang Nhật Bản chiếm 10% tổng xuất khẩu của các nước Đông Á



Nguồn: Ngân hàng Thế giới (WB)

Ba là, tác động tới dòng vốn đầu tư trên thế giới (FDI, FII, ODA): Như trên đã phân tích, Nhật Bản là quốc gia có khối lượng thương mại, FDI và ODA hàng đầu trong các nền kinh tế. Do đó, việc Chính phủ Nhật Bản dự kiến cắt giảm 20% ODA và tăng cường các khoản đầu tư nội địa nhằm tái thiết sau khủng hoảng và phục hồi nền kinh tế.... sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới các nước nhận vốn FDI và vốn ODA từ Nhật Bản, đặc biệt là các nước đang phát triển và các nền kinh tế mới nổi.

Bốn là, tác động tiêu cực đến triển vọng của ngành năng lượng điện hạt nhân ở Nhật Bản và trong khu vực: Khủng hoảng hạt nhân ở Nhật Bản đã khiến nhiều người mất niềm tin vào sự an toàn của điện hạt nhân và các quốc gia sẽ hết sức thận trọng với việc sử dụng nguồn năng lượng này. Cuộc khủng hoảng hạt nhân hiện nay là đòn giáng mạnh vào chiến lược năng lượng của Chính phủ Nhật Bản nhấn mạnh vai trò của năng lượng hạt nhân, cũng như các nỗ lực của Nhật Bản nhằm xuất khẩu các nhà máy điện hạt nhân ra các nước ngoài. Đồng thời, sự cố Fukushima cũng đặt dấu hỏi lớn cho năng lực của hệ thống giám sát hạt nhân của Nhật Bản. Người ta cũng nghi ngờ về sự thiếu minh bạch của các vụ khủng hoảng hạt nhân trước đây và hiện tại của Nhật Bản.

Như vậy có thể nói, sự cố hạt nhân tại Fukushima phần nào đã gây ra ảnh hưởng xấu về mặt tâm lý cho công chúng và triển vọng phát triển ngành năng lượng điện hạt nhân của nhiều nước. Trong những năm gần đây, Châu Á đang dẫn đầu thế giới về phát triển năng lượng điện hạt nhân nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện tăng vọt. Tuy nhiên, hiện nay một số nước đang xem xét lại chiến lược phát triển năng lượng hạt nhân của mình theo hướng an toàn hơn hoặc tìm kiếm một sự lựa chọn thay thế khác do các lo ngại gia tăng trong dư luận.

Hộp 1: Một số tác động của thảm họa tại Nhật Bản tới nền kinh tế thế giới

Số lượng xe, hãng xe sụt giảm: Sự gián đoạn nguồn cung các thiết bị từ Nhật Bản sẽ tác động rất lớn đối với sản xuất ở Mỹ, ít nhất trong ngắn hạn. Tập đoàn Toyota Motor của Nhật Bản, nhà sản xuất xe hơi lớn nhất thế giới cho biết sẽ ngừng sản xuất tại nhiều nhà máy của hãng tại Bắc Mỹ do sự gián đoạn trong việc cung cấp các bộ phận, thiết bị từ Nhật Bản. Theo Toyota, hiện vẫn chưa đưa ra được cụ thể các nhà máy sản xuất nào của hãng tại Bắc Mỹ bị ảnh hưởng từ sự gián đoạn này và sau bao lâu việc sản xuất sẽ được khôi phục lại. Các quốc gia bị ảnh hưởng gián tiếp là Hàn Quốc, Braxin, Trung Quốc, Ấn Độ,...

Ngành vi mạch điện tử sụt giảm: Hiện nay, với việc nắm giữ khoảng 1/5 thị trường bán dẫn toàn thế giới, khó khăn của Nhật Bản chắc chắn sẽ gây áp lực không nhỏ lên ngành công nghệ bán dẫn toàn cầu. Hàng loạt các nhà cung cấp thiết bị điện tử chủ chốt của Nhật Bản như Sony, Misubishi, Fujitsu, Hitachi,... đã phải ngừng hoạt động, phần vì ảnh hưởng trực tiếp của động đất, phần vì thiếu điện, thiếu nguyên vật liệu cơ bản. Điều này gây gián đoạn đến hoạt động sản xuất của hàng loạt các nhà máy chế tạo điện tử và xe hơi từ châu Á (Hàn Quốc, Đài Loan) đến châu Âu và Mỹ do không được cung cấp chi tiết linh kiện điện tử từ Nhật Bản.

Ngành thép sụt giảm: Theo số liệu từ Hiệp hội sắt thép Nhật Bản (JISF), Nhật Bản là nước xuất khẩu thép lớn nhất trên thế giới trong năm 2010 với tổng sản lượng xuất khẩu là 43.389 triệu tấn, chủ yếu là thép cuộn/tấm cán nóng, thép mạ kẽm, thép cuộn/tấm cán nguội, thép tấm loại vừa, thép ống hàn, thép inox, thép silic. Nhật Bản chủ yếu xuất khẩu thép sang Hàn Quốc, Trung Quốc và một số nước Châu Á khác, 5 công ty sản xuất thép chính chiếm tới 80% công suất sản xuất thép của nước Nhật đã đóng cửa.

Ngành giải trí, du lịch: Nhật Bản có một số lượng khách du lịch khổng lồ đến từ khắp mọi nơi trên thế giới. Nhưng động đất và sóng thần đã buộc các công viên giải trí cũng như các khách sạn phải tạm thời đóng cửa, ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn thu của nước này. Nhiều du khách nước ngoài đã hủy tour tới đất nước mặt trời mọc vì lo ngại hiểm nguy từ nhiễm độc phóng xạ.

Ngành khí tự nhiên: Việc sản xuất điện hạt nhân, chiếm khoảng 30% lượng điện của Nhật Bản, đã dừng lại để các công nhân nỗ lực ngăn chặn một thảm họa hạt nhân. Sản lượng điện tại Nhật giảm sút đã đẩy giá thu mua khí thiên nhiên dùng để sản xuất khí hóa lỏng xuất khẩu vào Nhật Bản tăng cao.

Ngành chuyên chở hàng: Theo Hiệp hội Hàng không Quốc tế IATA, hoạt động hàng không sẽ giảm sút nghiêm trọng, ít ra là cho đến sau hè. Thị trường chuyên chở hàng không Nhật Bản lúc bình thường chiếm 6,5% thị trường thế giới. Trong lĩnh vực này, bị thiệt hại nhiều nhất hiện nay là những nước láng giềng châu Á của Nhật, đứng đầu là Trung Quốc. Những chuyến bay đi và đến từ Nhật Bản chiếm 23% doanh thu ngành hàng không Trung Quốc. Ngành hàng không Hoa Kỳ cũng bị tác động mạnh, với 12%.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

3. Những tác động của thảm họa tại Nhật Bản tới Việt Nam

3.1 Tác động của thảm họa tới kinh tế - xã hội Việt Nam

Nhật Bản là một trong những đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Vì vậy, những hậu quả của động đất, sóng thần và thảm họa hạt nhân ở Nhật Bản chắc chắn sẽ có những tác động đến Việt Nam. Trước hết cần khẳng định những tác động tiêu cực trong ngắn hạn chắc chắn không ít, mặc dù về trung và dài hạn, những tác động tiêu cực này có thể nhanh chóng chấm dứt. Còn quá sớm để ghi nhận những con số thiệt hại cụ thể của các doanh nghiệp Việt Nam trong quan hệ thương mại, đầu tư, kinh doanh với đối tác Nhật Bản, nhưng thông tin ban đầu cho thấy, một số lĩnh vực của Việt Nam có thể chịu ảnh hưởng bất lợi. Về tổng quan, trận động đất tại Nhật Bản sẽ ảnh hưởng tới kinh tế Việt Nam trên một số lĩnh vực sau đây:

Một là, ảnh hưởng tới thương mại: Nhật Bản hiện là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Năm 2010, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá sang Nhật Bản đạt 7,73 tỷ USD, chiếm 10,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, tăng 23% so với năm 2009; nhập khẩu hàng hoá từ Nhật bằng 10,63% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa.

Thảm họa động đất - sóng thần vừa xảy ra ở quốc gia này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Trong ngắn hạn xuất khẩu sang Nhật sẽ giảm do người Nhật thất lung buộc bụng trong thời buổi khó khăn. Các ngành hàng Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản chủ yếu: hàng dệt may (chiếm 15% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này), cáp điện (12%), máy móc thiết bị và phụ tùng (11,7%) và thủy sản (11,6%)... Ngoài ra, một số mặt hàng khác cũng chiếm tỷ trọng cao trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Nhật Bản như nông phẩm (8%), Hải sản (2%), sản phẩm từ gỗ (1,4%),....

Những mặt hàng nhập khẩu từ Nhật là máy móc thiết bị và phụ tùng (chiếm 28% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này), sắt thép (14%) và máy tính, linh kiện điện tử (11%). Việc sản xuất các sản phẩm này bị ảnh hưởng do tình trạng thiếu điện của Nhật sẽ làm giảm kim ngạch nhập khẩu trong vài tháng tới đây và có thể gây ra sự thiếu hụt nguyên vật liệu cho sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam.

Hộp 2: Một số ngành xuất khẩu chịu tác động từ thảm họa tại Nhật Bản

Cao su: Cao su là lĩnh vực bị ảnh hưởng trước tiên do thảm họa động đất ở Nhật Bản. Giá cao su trên thị trường thế giới sụt giảm mạnh do lo ngại các nhà máy sản xuất ô tô ở Nhật ngừng hoạt động khiến sức cầu nguyên liệu này giảm. Các nhà nhập khẩu cao su ở các nước khác cũng vì thế mà ngừng ký hợp đồng mua mới khiến giá cao su càng giảm mạnh. Theo thống kê, giá cao su giao kỳ hạn tháng 8/2011 (kỳ hạn được giao dịch mạnh nhất) đã giảm 4,5% chỉ trong phiên giao dịch ngày 15/03/2011, về mức tương đương 4,665 USD/tấn tại Sở Giao dịch hàng hóa Tokyo (Tocom). Giá cao su giao tháng 4 cũng mất 30 yên, còn

378,4 Yên/kg. Trong khi đó mức giá cao nhất thiết lập trong tháng 2 vừa qua lên tới 535 Yên/kg. Dù giá cao su giảm là một thuận lợi đối với các doanh nghiệp sử dụng cao su làm nguyên liệu đầu vào như sản lốp cao su, nhưng điều này trên thực tế cũng không hoàn toàn bù đắp được những quan ngại do giảm cầu trên thị trường xuất khẩu.

Thép: Thép là nguyên vật liệu cơ bản được dự báo là sẽ bị ảnh hưởng về giá do tác động của trận động đất, sóng thần tại Nhật Bản làm giảm nguồn cung trong khu vực. Đến thời điểm này, giá thép trên thị trường trong nước vẫn chưa bị tác động nhiều, nhưng một số doanh nghiệp đã phải chịu hậu quả liên đới từ sự kiện động đất và sóng thần tại Nhật Bản. Về thị trường chung, các nhà sản xuất thép lớn ở Châu Á đang hy vọng rằng, do nhà máy thép Nhật Bản tạm dừng hoạt động khiến nguồn cung giảm xuống, giá thép ở thị trường Châu Á có chuyển biến tích cực hơn. Tuy nhiên, khả năng tăng giá nhiều là khó, vì trước đó thị trường thép Châu Á đã có hiện tượng thừa cung, tiêu thụ chậm.

Thủy sản: Thủy sản cũng là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ vụ động đất tại Nhật Bản khi hoạt động xuất khẩu có thể bị gián đoạn một thời gian do cảng ngừng hoạt động. Nhật Bản là thị trường cao cấp chỉ nhập khẩu các sản phẩm có chất lượng cao và giá cao của Việt Nam, như cá ngừ đại dương, tôm cỡ lớn, mực tươi và khô,... Với kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản lên tới 1 tỷ USD/năm, nguy cơ gián đoạn xuất khẩu ngành hàng này sang Nhật chắc chắn có tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó ngành tôm chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu xuất khẩu. Nhiều năm qua, Việt Nam liên tục đứng đầu về thị phần tôm nhập khẩu tại Nhật, chiếm hơn 20% về khối lượng và 21% về giá trị trong tổng nhập khẩu tôm của Nhật.

Ngành dệt may xuất khẩu: Hàng dệt may ở dòng sản phẩm cao cấp sẽ gặp khó khăn, vì người tiêu dùng Nhật Bản sẽ thắt chặt chi tiêu, tác động bất lợi đến các hợp đồng xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản. Tuy nhiên, dòng sản phẩm trung bình sẽ có nhiều thuận lợi hơn khi xuất khẩu vào Nhật. Các doanh nghiệp xuất khẩu hàng dệt may có thể tính đến việc chuyển hướng từ thị trường Nhật qua những thị trường khác. Do tiêu chuẩn chất lượng của hàng dệt may xuất khẩu vào Nhật luôn ở mức cao, những doanh nghiệp đã đáp ứng được những tiêu chuẩn khắt khe ở thị trường Nhật sẽ dễ dàng thâm nhập những thị trường khác.

Nguồn: Những vấn đề nổi bật trong quý 1/2011 và dự báo kinh tế quý 2/2011, Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia, 4/2011.

Hai là, ảnh hưởng tới đầu tư từ Nhật Bản vào Việt Nam (vốn ODA, FDI và FII). Nhật Bản là nhà tài trợ song phương lớn nhất cho Việt Nam. Những khoản tài trợ hoặc đầu tư mà Nhật Bản đã cam kết dành cho Việt Nam có thể không bị cắt giảm, song việc thực hiện có thể tạm hoãn trong một thời gian do Nhật Bản cần tập trung các nguồn vốn cho việc tái thiết đất nước sau các thảm họa vừa qua.

Năm 2011, Nhật Bản cam kết đầu tư 1,76 tỷ USD trên tổng số 7,9 tỷ USD vốn ODA cam kết vào Việt Nam. Nhiều dự báo cho rằng nguồn vốn ODA giải ngân trong thời gian tới sẽ không đạt mục tiêu so với số vốn đã cam kết.

Bên cạnh đó, năm 2011, Nhật Bản cam kết đầu tư 2,2 tỷ USD vốn FDI, tương đương 11,8% tổng vốn FDI cam kết đầu tư vào Việt Nam. Nguồn vốn này nhiều khả năng cũng không đạt mục tiêu đề ra. Nếu dòng vốn đầu tư của Nhật Bản không diễn ra như kế hoạch ban đầu, thì nhiều doanh nghiệp sẽ gặp phải khó khăn khi lập kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính hiện tại.

Ba là, tác động đến lĩnh vực tài chính: Nhật Bản có vai trò quan trọng trong cung cấp tài chính cho phát triển kinh tế của Việt Nam, thể hiện qua các điểm như sau: (i) là chủ nợ song phương lớn nhất, chiếm 33% nợ nước ngoài của Việt Nam (đạt 9,6 tỷ USD vào 30/6/2010); (ii) nợ của Việt Nam tính bằng đồng Yên chiếm tới 38% tổng nợ nước ngoài; (iii) là nhà tài trợ ODA song phương lớn nhất, và (iv) là nhà đầu tư trực tiếp lớn thứ 5 của Việt Nam. Do vậy, thảm họa xảy ra tại Nhật Bản chắc chắn sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới nước ta. Cụ thể là, Đồng Yên mạnh do các nhà đầu tư bán đôla Mỹ đồng nghĩa với nợ nước ngoài bằng đồng Yên và nợ Nhật Bản tăng và làm tăng thâm hụt thương mại của Việt Nam với Nhật Bản.

Bảng 1: Nợ nước ngoài của Việt Nam có liên quan đến Nhật Bản

	Giá trị (Quy ra triệu USD)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Dư nợ nước ngoài của Chính phủ với chủ nợ là Nhật Bản	8.424,26	33,57	So với tổng dư nợ nước ngoài của Chính phủ
Dư nợ nước ngoài của doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh với chủ nợ là Nhật Bản	336,24	8,61	So với tổng dư nợ nước ngoài của doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh
Dư nợ nước ngoài của Chính phủ bằng đồng JPY	9.600,96	38,25	So với tổng dư nợ nước ngoài của Chính phủ

Nguồn: Báo cáo nợ nước ngoài của Bộ Tài Chính

Bốn là, tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh của một số ngành và lĩnh vực: Các công ty Nhật Bản có vốn FDI ở Việt Nam, nhất là trong các ngành điện tử, ô tô có thể phải giảm sản xuất trong một thời gian do hầu hết các sản phẩm và phụ kiện cho việc lắp ráp các thành phẩm đều được nhập khẩu từ Nhật Bản hoặc các nước lân cận. Như đã phân tích, các ngành sản xuất này đều chịu tác động tiêu cực ở cả Nhật Bản và các nước trong khu vực và trên thế giới. Vì vậy, những tác động đến sản xuất ở Việt Nam là điều không thể tránh khỏi.

Năm là, ảnh hưởng tới hoạt động phi thương mại, du lịch: Năm 2010, Việt Nam đón gần 450.000 lượt khách Nhật, đứng thứ ba sau Trung Quốc và Hàn Quốc, tăng 24% so với năm 2009, chiếm khoảng 9% tổng số du khách. Hai tháng đầu năm 2011, có khoảng 92.000 khách đến Việt Nam, tăng 130% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, sau động đất lượng khách du lịch Nhật, được xem là những người có thu nhập cao với mức chi tiêu cao, giảm sút vì nhiều tour đã bị hủy. Ước tính, thu nhập ngành du lịch sẽ giảm khoảng 200 triệu USD. Việc sụt giảm khách Nhật trong những tháng tới sẽ ảnh hưởng lớn đến các mục tiêu của ngành du lịch Việt Nam.

Sáu là, tác động đến thị trường xuất khẩu lao động: Nhật Bản là một thị trường trọng điểm cho xuất khẩu lao động của Việt Nam. Hậu quả của thiên tai, sự đình trệ trong hoạt động sản xuất ở vùng Đông Bắc Nhật Bản và hoạt động tái thiết hậu thiên tai sẽ đưa tới nhiều thay đổi quan trọng trên thị trường lao động nước này. Nếu không quan sát và đề ra những giải pháp kịp thời, thị trường lao động Việt Nam sẽ chịu nhiều tác động tiêu cực và không tranh thủ được những cơ hội quý giá.

3.2. Tác động tới kế hoạch phát triển năng lượng hạt nhân ở Việt Nam

Vụ nổ tại Nhà máy điện hạt nhân Fukushima I ở Nhật Bản do động đất và sóng thần gây tâm lý lo lắng cho không ít cho người dân về độ an toàn của Nhà máy điện hạt nhân đầu tiên mà Việt Nam sắp xây dựng ở Ninh Thuận. Sự lo ngại của dư luận lúc này là chính đáng vì nó liên quan tới sự an toàn tính mạng con người và an toàn môi trường, nhất là đối với những nước mới bắt đầu phát triển điện hạt nhân như Việt Nam.

Theo Bộ trưởng Bộ Công Thương Vũ Huy Hoàng, Nhà máy điện hạt nhân Fukushima I thuộc thế hệ thứ 2 được xây dựng vào thập kỷ 70 nên nguyên lý an toàn thụ động chưa được áp dụng. Về nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận, Nghị quyết của Quốc hội đã khẳng định, phải sử dụng lò phản ứng hiện đại thuộc thế hệ thứ 3 hoặc 3+ hoạt động theo nguyên lý an toàn thụ động. Vì vậy, nếu xảy ra sự cố như ở nhà máy Fukushima I thì nhà máy sẽ tự động xử lý, không cần tác động của con người cũng như không cần sử dụng nguồn điện bổ sung, đảm bảo độ an toàn và kinh tế. Theo Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA), đây là công nghệ hiện đại và an toàn nhất hiện nay. Ngoài ra, việc lựa chọn công nghệ, địa điểm xây dựng nhà máy điện hạt nhân của Việt Nam cũng đã được tính toán mức độ an toàn kỹ dựa trên nhiều tiêu chí, trong đó, tiêu chí an toàn cho con người và môi trường sẽ được đặt lên hàng đầu. Bên cạnh đó, Việt Nam sẽ chỉ xây dựng Nhà máy điện hạt nhân khi đảm bảo chắc chắn các yếu tố an toàn cho môi trường và cuộc sống người dân¹⁶.

¹⁶ Trong quá trình xây dựng báo cáo khả thi, việc khảo sát độ an toàn không chỉ đánh giá nền đất, địa chất, khả năng xảy ra động đất mà còn quan tâm cả tới khả năng bị ảnh hưởng bởi chấn động từ các khu vực xung quanh. Từ nay đến năm 2014 là thời gian các đơn vị nghiên cứu hoàn thành báo cáo khả thi. Việc dự án có tiếp tục triển khai hay không sẽ phụ

Việc cần thiết và khẩn cấp hiện nay là phải xác định ngay những khó khăn mà Việt Nam sẽ phải đối mặt. Người dân cần phải được chuẩn bị kỹ lưỡng để hiểu và chấp nhận quyết định khởi động chương trình hạt nhân. Các hệ quả ngắn hạn và dài hạn về tài chính cần phải được hiểu rõ trong bối cảnh kinh tế hiện nay. Việc quy hoạch dự án phải được đặt dưới điều kiện mỗi bước thực hiện phải được đảm bảo đất nước đã sẵn sàng đạt được nó một cách thành công.

3.3. Cơ hội cho Việt Nam

Về trung và dài hạn, thảm họa tại Nhật Bản tạo ra không ít cơ hội cho Việt Nam. Các thuận lợi có thể kể đến như:

Một là, theo thông báo từ phía Nhật Bản, tiến độ và trình tự dự án đầu tư của Nhật Bản có thể bị ảnh hưởng nhưng những cam kết về đầu tư với Việt Nam sẽ được thực hiện trọn vẹn. Vốn đầu tư vào Việt Nam từ các doanh nghiệp Nhật Bản sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có vấn đề về ổn định kinh tế vĩ mô, môi trường kinh doanh ở Việt Nam. Nếu môi trường kinh doanh được cải thiện thì vốn đầu tư có thể vẫn tăng cho dù Nhật Bản chịu hậu quả nặng nề của động đất và sóng thần. Ngoài ra, Việt Nam được đánh giá là thị trường mới nổi mà các quỹ đầu tư rất quan tâm. Do vậy, dòng vốn FII từ Nhật Bản vào Việt Nam sẽ không bị ảnh hưởng. Hơn nữa, chưa có dấu hiệu nào cho thấy dòng vốn này bị rút khỏi Việt Nam.

Hai là, nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của Nhật Bản sẽ tăng cao trong giai đoạn tới. Quá trình tái thiết sau thảm họa động đất, sóng thần và sự cố hạt nhân làm tăng mạnh nhu cầu đối với các loại vật liệu xây dựng, bao gồm gỗ, thép xây dựng, dây điện, cao su,... để tạo chỗ ở tạm thời cho khoảng nửa triệu người mất mất nhà cửa và các công sở tạm thời cho chính quyền địa phương. Do nhiều hãng sản xuất vật liệu xây dựng trong nước Nhật Bản hiện không thể đáp ứng kịp vì các nhà máy bị hư hại, Nhật Bản sẽ phải nhập khẩu một khối lượng lớn các mặt hàng kể trên, trong đó có nhiều mặt hàng Việt Nam đang sản xuất và xuất khẩu.

Do các nhà máy điện hạt nhân phần bị hư hại, phần còn lại phải qua kiểm tra kỹ càng trước khi vận hành trở lại, nên Nhật Bản cũng phải tăng mạnh các nguồn sản xuất phi hạt nhân, khiến nhập khẩu than, dầu, khí hóa lỏng từ các nước trong khu vực như Úc, Indonesia, Việt Nam có thể tăng theo.

Một thuận lợi khác là do sợ bị nhiễm phóng xạ, người dân Nhật không dám sử dụng hàng thực phẩm trong nước. Việc khai thác thủy sản của họ cũng bị hạn chế do nhiều vùng biển bị nhiễm phóng xạ, các kho lạnh dự trữ bị cúp điện. Chính vì thế nhu

thuộc vào những kết quả nghiên cứu ở báo cáo khả thi. Nếu phát hiện có những yếu tố chưa đảm bảo an toàn cho người dân thì sẽ không triển khai.

cầu hàng thủy sản an toàn nói riêng, thực phẩm nói chung để tiêu dùng đang rất cao ở Nhật Bản. Các nhà nhập khẩu Nhật Bản không những hồi thúc doanh nghiệp Việt Nam đưa hàng qua sớm, mà còn ráo riết ký thêm nhiều hợp đồng mới. Đây là tín hiệu tốt cho ngành xuất khẩu lương thực – thực phẩm Việt Nam. Tuy nhiên, thảm họa xảy ra tại khu vực phía đông bắc, ít dân. Do đó, mức độ ảnh hưởng không nhiều.

Ba là, sau thảm họa, các doanh nghiệp Nhật Bản đều có tâm lý lo lắng. Để giảm thiểu thiệt hại, các doanh nghiệp Nhật Bản đều có xu hướng chuyển sản xuất kinh doanh ra nước ngoài. Khi xu hướng này diễn ra mạnh mẽ, các quốc gia có ưu thế về sự ổn định và chi phí sản xuất thấp như Việt Nam sẽ là một trong những điểm đến hấp dẫn. Đây được coi là một cơ hội cho Việt Nam trong việc thu hút đầu tư và phát triển kinh tế.

Bốn là, về hợp tác trong lĩnh vực đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, Việt Nam hiện có hơn 300.000 học sinh và lao động (dưới dạng tu nghiệp sinh) đang học tập và lao động tại Nhật Bản. Trước mắt do ảnh hưởng thảm họa nên nhiều lao động Việt Nam bị mất việc làm tại những nơi xảy ra thảm họa ở Nhật Bản và cả những công ty của Nhật Bản ở Việt Nam khi các nhà máy của họ cắt giảm sản xuất. Tuy nhiên, về trung và dài hạn, khi Nhật Bản bắt tay vào tái thiết các vùng thiệt hại, nhu cầu lao động sẽ tăng cao, tạo thêm cơ hội cho việc ký kết các hợp đồng đưa lao động sang Nhật Bản làm việc.

Do đó, trong thời gian tới các tổ chức, các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động nắm bắt thông tin, giữ liên lạc thường xuyên với đối tác Nhật Bản để sớm đưa ra những thương thảo cần thiết đảm bảo lợi ích cho doanh nghiệp và nền kinh tế.

III. Ảnh hưởng của biến động địa chất và biến đổi khí hậu toàn cầu

1. Hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu và tác động tới Việt Nam

Biến đổi khí hậu (BĐKH) toàn cầu đang trở thành thách thức lớn nhất và cấp bách nhất đối với loài người. Các nước kể cả phát triển và đang phát triển trong đó có Việt Nam đang phải chịu hậu quả nghiêm trọng của hiện tượng BĐKH. Theo các chuyên gia, Việt Nam là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nhiều nhất từ hiện tượng BĐKH. Do nằm ở khu vực nhiệt đới gió mùa gần trung tâm bão phía Tây Thái Bình Dương Việt Nam thường xuyên phải chịu nhiều loại thiên tai khác nhau do BĐKH gây ra từ thấp đến cao. Mới đây, Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng đã được liệt vào danh sách 10 thành phố sẽ bị ảnh hưởng nhất trong vòng 20 -50 năm tới. Bên cạnh đó, nhiều địa phương khác của Việt Nam, trong đó có Huế sẽ phải chịu ảnh hưởng của hiện tượng nước biển dâng.

Trên thực tế, Việt Nam đã phải gánh chịu những hậu quả tiêu cực của hiện tượng BĐKH. Tại Việt Nam nhiệt độ trung bình đã tăng khoảng 0,1 – 0,3°C. Trong 30 năm gần đây, số cơn bão và mức độ ảnh hưởng của bão cũng có xu hướng tăng rõ rệt. Hạn

hán ngày càng khô liệt hơn và xảy ra ở hầu hết các vùng trong cả nước; lũ đặc biệt lớn thường xuyên xảy ra tại các tỉnh miền Trung và miền Nam. Việt Nam cũng chứng kiến nhiều hiện tượng thiên nhiên bất thường: mưa đá và lốc kèm gió mạnh kéo dài xảy ra trong địa bàn nhiều tỉnh và thành phố, làm sập nhiều nhà cửa, công trình hạ tầng và tàn phá mùa màng. Một số sông, hồ, lâm vào tình trạng thiếu nước nghiêm trọng.

Đặc biệt, do bức bách về cuộc sống và sự thiếu hiểu biết, nên các hoạt động kiếm sống của cư dân ở các vùng núi, ven biển trở thành lực lượng tàn phá hệ sinh thái, làm tài nguyên suy giảm, mất khả năng tái tạo, phục hồi và mất chức năng bảo vệ. BĐKH đã và đang gây ra nhiều tác hại đối với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản cũng như các ngành như thủy điện, dầu khí, giao thông, cảng biển....

Có thể nói, BĐKH làm cho thời tiết trở nên bất thường, khó dự báo hơn và gây ra những tác động khó lường. Các tác động có thể kể đến như:

Một là, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp: Hiện nay, nông nghiệp, nông thôn đã và đang là lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất qua đó ảnh hưởng đến tình trạng an ninh lương thực quốc gia.

- *Sự mất đất:* Nếu hiện tượng nóng lên toàn cầu làm mực nước biển dâng lên thì ước tính có thể sẽ có khoảng 17 – 19 triệu người Việt Nam sẽ mất đất ở; một phần lớn đất trồng trọt có thể sẽ bị ngập nước biển. Nước ta là một quốc gia nông nghiệp nhưng hầu hết nông dân rất ít đất canh tác, nhất là nông dân vùng ven biển. Do vậy, việc mất đi một phần lớn quỹ đất trồng sẽ đặt Việt Nam trước những thách thức nghiêm trọng.

- *Sự xói mòn và rửa trôi đất:* BĐKH gây ra rối loạn chế độ mưa nắng, nguy cơ mưa nắng nhiều hơn; lượng mưa thay đổi; lượng dinh dưỡng trong đất bị giảm đi,... làm giảm năng suất trồng trọt. Việt Nam có tổng diện tích đất tự nhiên là 33.121.159 ha đất, với khoảng 25 triệu ha đất dốc, nên nguy cơ thoái hóa đất do xói mòn và rửa trôi là rất lớn. Thực tế cho thấy, những năm gần đây, người nông dân Việt Nam đã đầu tư lớn các loại phân hóa học nhưng lại quên việc bổ sung các loại phân bón hữu cơ cho đất. Việc sử dụng liên tục, liều lượng cao phân bón hóa học đã làm cho môi trường đất bị chua hóa, đất nông nghiệp màu mỡ bị thoái hóa. Ở chiều ngược lại, hoạt động nông nghiệp cũng góp phần tạo ra sự biến đổi BĐKH. Những hoạt động như thay đổi mục đích sử dụng đất, đốt rơm, rạ sau thu hoạch cũng là nguồn phát thải khí nhà kính vào bầu khí quyển. Theo ước tính, lượng khí nhà kính mà nông nghiệp toàn cầu thải ra chiếm 20% lượng khí thải do con người tạo ra. Ở Việt Nam, theo số liệu thống kê, lượng khí CO₂ phát thải trong ngành nông nghiệp chiếm khoảng 50% tổng lượng khí thải.

Ảnh hưởng đến chăn nuôi: Trong chăn nuôi hiện đại, các yếu tố khí hậu cũng gây ra những ảnh hưởng lớn. Các yếu tố khí tượng thủy văn, như độ ẩm không khí, nhiệt độ, tốc độ gió, hướng gió, lượng mưa,... đều ảnh hưởng đến sức khỏe của vật

nuôi, nhất là vật nuôi quy mô gia đình với phương pháp nuôi đơn giản,... từ đó phát sinh ra các dịch bệnh gia súc, gia cầm, gây thiệt hại lớn cho bà con nông dân nói riêng, cũng như toàn bộ nền kinh tế nói chung.

Hai là, BĐKH gây ra nhiều thách thức cho ngành sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam. Trong đó đáng chú ý là ngành du lịch. Những năm qua, thị trường du lịch có những xáo trộn do diễn biến khí hậu bất thường; sự bùng phát các dịch bệnh nhiệt đới như SAT, H1N1, H5N1,... đã hạn chế lượng du khách đến Việt Nam. Ngoài ra, BĐKH còn làm cho hạ tầng du lịch ở vùng núi cao bị đe dọa do sạt lở đất. Ở các vùng đất thấp ven biển, các cơ sở du lịch có nguy cơ bị nước biển dâng cao làm chìm ngập, bãi biển bị xói lở làm cho mất đi vẻ đẹp thiên nhiên thu hút khách du lịch.

Ba là, BĐKH gây tác động lớn đến đời sống dân cư. Các loại thiên tai xuất phát từ BĐKH còn có tác động lớn về mặt xã hội đối với cá nhân và cộng đồng. Các tác động xã hội ảnh hưởng trực tiếp đến con người như: bị chết, bị thương, mất chỗ ở và các thiệt hại đến các công trình và di sản văn hóa. Theo một cách gián tiếp, tác động của thiên tai còn làm ảnh hưởng đến các hoạt động của xã hội như làm gián đoạn việc đi học của học sinh, giao thông bị ngưng trệ, các dịch vụ xã hội bị tổn thất, các mối quan hệ xã hội bị xáo trộn,...

Một hiện tượng rất đáng lưu ý là tình trạng nước biển dâng cao. Đây là hệ quả kéo theo của BĐKH. Hiện tượng này đã bắt đầu diễn ra từ cả thế kỷ qua, với mức bình quân mỗi năm mực nước biển dâng 2,4mm. Theo tính toán, nếu mực nước biển dâng 1m sẽ có 10% dân số Việt Nam bị ảnh hưởng trực tiếp, tổn thất khoảng 10% GDP, nếu nước biển dâng 3m sẽ có khoảng 25% dân số bị ảnh hưởng trực tiếp và tổn thất khoảng 25% GDP.

Nhiệt độ toàn cầu nóng lên tạo điều kiện cho dịch bệnh cũ và dịch bệnh mới phát triển mà con người khó kiểm soát được như: sốt rét, sốt xuất huyết, viêm não,... Tất cả đều dẫn đến một hậu quả tất yếu là gia tăng nghèo đói, đi kèm với mất ổn định, cũng như tạo ra các tác động tiêu cực đến môi trường, kinh tế - xã hội và ổn định chính trị.

2. Biến đổi địa chất và tác động đến Việt Nam

Sau thảm họa ở Nhật Bản, động đất đã trở thành nỗi lo thường trực của nhiều người dân Việt Nam. Như đã nói ở trên, sau khi động đất, nhiều khu vực bờ biển của Nhật đã bị xê dịch khỏi vị trí ban đầu 4m. Trục trái đất bị dịch chuyển 16,5 cm; thời gian ban ngày ngắn hơn 1,8 phần triệu giây so với trước.

Sự biến đổi địa chất này được coi là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc động đất gia tăng ở Việt Nam. Thời gian qua tại Việt Nam liên tục xảy ra động đất vì Việt Nam có các hệ thống đứt gãy hoạt động phức tạp, như: đứt gãy Lai Châu - Điện Biên, đứt gãy sông Mã, đứt gãy Sơn La, đới đứt gãy sông Hồng, đới đứt gãy sông Cả,

đứt gãy kinh tuyến 1090 -1100... Nghiên cứu lịch sử động đất ở Việt Nam cũng cho thấy cứ 20 - 30 năm lại xuất hiện động đất trên 6 độ Richter¹⁷. Như vậy, theo chu kỳ, Việt Nam có thể sẽ hứng chịu nhiều trận động đất, dư chấn động đất và sóng thần trong thời gian tới.

Theo ý kiến của một số chuyên gia, trục trái đất bị thay đổi từ thảm họa tại Nhật Bản ngày 11/3/2011 có thể làm thay đổi trạng thái trong lòng đất, vì thế, ít nhiều sẽ tác động gián tiếp đến những trận động đất khác. Có thể một chu kỳ động đất mới đã bắt đầu. Theo các kết quả nghiên cứu đã được thực hiện tại Viện Vật lý Địa cầu, các nguồn động đất ở khu vực biển Đông và lân cận có thể gây nên sóng thần ảnh hưởng tới bờ biển Việt Nam như: Riukiu Đài Loan, đới hút chìm Manila, biển Sulu, biển Celebes, vùng biển Ban Đa, Bắc biển Đông, Palawan và Tây biển Đông. Theo tính toán của Bộ Tài nguyên – Môi trường, nếu khu vực rãnh nước sâu Manila xảy ra động đất cường độ 8,3 độ Richter thì có thể tạo nên sóng thần cao 6,2 m ở Quảng Ngãi và 2,1 m ở Nha Trang.

Ngoài ra, các biến đổi địa chất đã làm phóng xạ tự nhiên ở nhiều tỉnh Việt Nam vượt ngưỡng cho phép. Nhiều điểm tại một số tỉnh phía Bắc như phía Bắc tỉnh Lai Châu, phía Nam thị xã Sơn La, Lào Cai – Than Uyên, Bảo Thắng – Mường La... có cường độ chiếu xạ tự nhiên vượt mức cho phép. Các nơi nói trên có cường độ chiếu xạ tự nhiên trên 2mSv/năm, thậm chí có nơi bị chiếu từ 5-7mSv/năm.

Theo điều tra của Bộ Công thương từ năm 2002-2005 tại vùng Tây Bắc, các tỉnh: Hòa Bình, Yên Bái, Sơn La, Điện Biên, Lào Cai và Lai Châu có nhiều tai biến địa chất rất phức tạp. Đáng chú ý là các tai biến địa chất do trường bức xạ phóng xạ tự nhiên nhiều khu vực ở mức nguy hiểm. Cụ thể, các khu vực có cường độ chiếu xạ trên 2mSv/năm như phía Bắc tỉnh Lai Châu và Đông Bắc thành phố Điện Biên Phủ, phía Nam thị xã Sơn La, dải Mường Tè - Điện Biên... Các nhà khoa học thuộc Viện Địa chất và Môi trường đánh giá với mức độ chiếu xạ trên 2mSv/năm tại các điểm trên là ở mức nguy hiểm cấp II.

Khu vực được xem là nguy hiểm cấp I kéo dài từ biên giới Việt –Trung qua Nậm Xe – Tam Đường tới Đông Pao. Dải địa thường phóng xạ tự nhiên có liều chiếu xạ phổ biến ở phong 0,7mSv/năm. Các điểm có liều chiếu xạ cao trên 5mSv/năm chủ yếu tập trung ở các vùng Phong Thổ, Lào Cai – Than Uyên, Bảo Thắng – Mường La.

Nguyên nhân của việc cường độ phóng xạ tự nhiên tại các điểm này ở mức cao hơn bình thường được các nhà khoa học giải thích là do liên quan đến các đá granit và trầm tích phun trào. Có những khu vực do tập trung quá nhiều Urani và Thori. Theo ông Ngô

¹⁷ Cụ thể, năm 1923 có động đất mạnh 6,1 độ Richter ở ngoài khơi Vũng Tàu - Phan Thiết; năm 1935, động đất mạnh 6,5 độ Richter ở đới đứt gãy sông Mã và năm 1983, động đất mạnh 6,8 Richter ở Tuần Giáo, Điện Biên.

Đặng Nhân, Cục trưởng Cục An toàn và Bức xạ hạt nhân, Bộ Khoa học và Công nghệ, Việt Nam là nước có đới trầm tích cổ nên có nhiều vùng dị thường phóng xạ.

Hộp 3: Một số hiện tượng lạ tại Việt Nam

Ngày 4/5/2011, tại thị trấn Di Linh, huyện Di Linh - Lâm Đồng, khu vực giao nhau giữa đường Hai Bà Trưng và Nguyễn Văn Trỗi xuất hiện một vết nứt rộng 10 cm và dài khoảng 500 m, kéo theo hàng loạt nhà dân bị xé nền, nứt tường, có nhà còn bị sập. Đáng chú ý, Lâm Đồng là địa bàn ít chịu tác động của núi lửa và động đất. Rất nhiều người dân đã hoảng loạn trước hiện tượng này.

PGS,TS Nguyễn Hồng Phương, Phó Giám đốc Trung tâm Báo tin động đất và Cảnh báo sóng thần, cho rằng nhiều khả năng đây là hiện tượng địa chất thủy văn liên quan đến hoạt động khai thác nước ngầm quá mức, không liên quan đến động đất và núi lửa. Dù vậy, không loại trừ đây là hoạt động địa chất bởi khu vực bị nứt ở thị trấn Di Linh nằm trong đới ảnh hưởng của đứt gãy Bảo Lâm - Tân Hiệp. Đứt gãy Bảo Lâm – Tân Hiệp là đứt gãy vuông góc với hai đới đứt gãy lớn Đa Nhim – Biên Hòa và Tuy Hòa – Biên Hòa. Đây là hai đứt gãy lớn nhất đi qua địa bàn tỉnh Lâm Đồng và có nguy cơ xảy ra động đất đến 5,5 độ Richter.

Một hiện tượng khác cũng đáng lo ngại không kém là việc phun bùn tại Ninh Thuận, nơi được chọn để xây nhà máy điện hạt nhân. Vào đầu tháng 2/2011, tại xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận, xuất hiện 4 ụ đất lạ liên tục đùn bùn lên. Điểm phun trào lớn nhất có đường kính khoảng 2,2 m và nhỏ nhất khoảng 1,2 m.

TS Doãn Đình Lâm, Trưởng Phòng Trầm tích (Viện Địa chất, Viện Khoa học – Công nghệ Việt Nam), cho biết đây là hiện tượng liên quan đến hoạt động của các túi khí dưới lòng đất. Những điểm có bùn phun trào nằm trong khu vực liên quan đến hoạt động nhiệt độ ở sâu trong lòng đất. Các túi khí này lớn dần và khi tăng chấn yếu đi thì có thể trôi lên trên. Trên đường đi, nếu gặp tầng bùn đất nhão (natri cacbonat), nó sẽ đưa cả lên mặt đất.

Theo TS Lê Huy Minh, các hiện tượng trên ít nhiều đều liên quan tới hoạt động địa chất, hoạt động của các đới đứt gãy. Những hiện tượng này cho thấy vỏ trái đất ở khu vực Việt Nam không hoàn toàn bình ổn, động đất cần được theo dõi. Theo chu kỳ, Việt Nam có thể sẽ hứng chịu nhiều trận động đất, dư chấn động đất và sóng thần lớn trong thời gian tới.

Nguồn: Sắp tới Việt Nam sẽ có động đất sóng thần, Người lao động, 2011

Bên cạnh đó, thời gian qua, ở Việt Nam xuất hiện nhiều hiện tượng sụt lún gây ra các “hố tử thần”. Theo các chuyên gia, đây có thể là hiện tượng được gây ra bởi các biến đổi địa chất. Tình trạng lún sụp của mặt đất là việc hạ thấp độ cao mặt đất theo thời gian. Hiện tượng hạ thấp mặt đất do các nguyên nhân chính như bị ảnh hưởng khai thác nước ngầm, do xói mòn bề mặt, do mật độ dày đặc của các công trình cao tầng... đáng báo động về nhận thức của các nhà lãnh đạo vì nếu không có giải pháp thì tình trạng lún, nứt và nghiêng công trình đang gặp phải.

3. Một số chú ý nhằm hạn chế tác động của biến đổi khí hậu và biến đổi địa chất đến Việt Nam

Để ứng phó với BĐKH, Chính phủ Việt Nam đã và đang tiến hành nhiều hoạt động như xây dựng chính sách, xây dựng Chương trình, Mục tiêu quốc gia, giao nhiệm vụ điều phối các hoạt động ứng phó với BĐKH cho các Bộ/Ngành. Đồng thời, Việt Nam mở rộng nhiều kênh thông tin về BĐKH trong cộng đồng và phối hợp, hợp tác với tổ chức quốc tế, nhà tài trợ trên nhiều lĩnh vực về BĐKH. Tuy nhiên, trong thời gian tới Việt Nam cần chú ý tới các vấn đề sau đây:

- Xây dựng, bổ sung, sửa đổi các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm hạn chế tác động xấu của biến đổi khí hậu. Ban hành những chính sách thích hợp để khuyến khích, động viên các nguồn lực trong từng thời kỳ, ở từng địa phương và trên toàn quốc. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu và ban hành các quy định cụ thể về việc áp dụng và cưỡng chế thi hành các tiêu chuẩn môi trường đối với các doanh nghiệp. Đồng thời, cần bổ sung các chính sách, khuyến khích việc nhập khẩu và sử dụng các công nghệ sạch, ít gây ô nhiễm, ưu tiên sử dụng máy móc, thiết bị và sản phẩm ít phế thải.

- Tăng cường đầu tư nhà nước vào bảo vệ môi trường. Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về bảo vệ môi trường; hiện đại hóa hệ thống theo dõi, phân tích đánh giá các yếu tố môi trường trên toàn quốc; khắc phục tình trạng ô nhiễm, bảo tồn và tăng cường đa dạng sinh học.

- Chú trọng hỗ trợ các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương do BĐKH. Thực tế cho thấy, phần lớn những người chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ BĐKH là những người nông dân và những người nghèo. Do đó, Chính phủ cần, có chính sách hỗ trợ hiệu quả cho người dân như đầu tư vào giáo dục, y tế, chuyển đổi nghề...

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức các cơ quan nghiên cứu về BĐKH và phòng, chống thiên tai. Nhà nước cần sớm cho ra đời một tổ chức chuyên trách có đủ năng lực để nghiên cứu về BĐKH toàn cầu và ảnh hưởng của nó đối với Việt Nam. Bên cạnh đó, cần xây dựng một mạng lưới các cơ quan phòng và giảm nhẹ tác hại của lũ lụt từ trung ương đến địa phương gọn nhẹ, hiệu quả, nhằm kịp thời tham mưu tốt cho Chính phủ và huy động lực lượng cho công tác quản lý và giảm nhẹ thiên tai tại các cấp.

- Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế với các nước, các tổ chức quốc tế nhằm thực hiện hiệu quả công ước quốc tế về bảo vệ môi trường.

- Nâng cao nhận thức của người dân về tác động của BĐKH. Nhận thức của người dân Việt Nam về tác động của BĐKH đối với đời sống kinh tế - xã hội vẫn còn rất thấp. Mọi người dân phải nhận thức được tầm quan trọng của việc thích ứng với

BĐKH. Người dân bảo vệ môi trường, góp phần làm sạch môi trường chung cũng là cách làm giảm tác hại của BĐKH.

- Hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật hệ thống trạm quan trắc khí hậu; tăng cường công tác giám sát BĐKH. Việc dự báo chính xác các hiện tượng BĐKH là cực kỳ quan trọng, giúp cho việc phòng, chống thiên tai có hiệu quả. Do đó, cần củng cố, phát triển hệ thống cảnh báo sớm các thảm họa như lũ lụt, hạn hán, cháy rừng, bão, sóng thần, động đất, thay đổi nhiệt độ không khí,... để người dân chủ động đề phòng.

IV. Tác động đến Việt Nam của diễn biến kinh tế thế giới, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế

1. Diễn biến kinh tế thế giới, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế

Hiện nay, trên thế giới đang hình thành một số xu hướng có thể ảnh hưởng sâu sắc tới Việt Nam như:

Một là, sự lớn mạnh của các nền kinh tế mới nổi, và đang phát triển. Có thể nói, sự trỗi dậy của các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, đặc biệt là Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Braxin, Indonesia, Nam Phi,... đang làm thay đổi cán cân sức mạnh kinh tế thế giới. Đặc biệt, sự lớn mạnh của Trung Quốc như một thế lực ngoại thương mới đã khiến thương mại không còn là không gian hai chiều giữa hai bên bờ Đại Tây Dương mà có xu hướng dịch chuyển từ Tây sang Đông.

Khủng hoảng tài chính khởi phát từ Mỹ và hoành hành chủ yếu tại các nước phát triển tạo ra cuộc suy thoái kinh tế ở cấp độ toàn cầu, đồng thời cũng tạo ra thời cơ lớn cho các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển trong việc chứng tỏ khả năng tăng trưởng tốt và bền vững, ít bị phụ thuộc vào các nước lớn. Sức mạnh kinh tế của các nền kinh tế đang phát triển ngày càng được tăng cường¹⁸. Vai trò của các nền kinh tế mới nổi trong việc dẫn đầu đà tăng trưởng kinh tế toàn cầu ngày càng thấy rõ, đặc biệt là các nước khác trong nhóm BRICS¹⁹.

Đà tăng trưởng mạnh mẽ cùng lợi thế đông dân, đã giúp 5 nền kinh tế lớn mới nổi (BRICS) trở thành điểm hút các hoạt động sản xuất, thương mại và đầu tư toàn cầu. Đồng thời thành quả kinh tế được tích lũy cũng đang giúp các nước này mở rộng hoạt động đầu tư và tăng cường sự hiện diện tại các quốc gia và khu vực trên toàn cầu. Sức mạnh kinh tế tăng cho phép các quốc gia này đóng vai trò ngày càng quan

¹⁸ Theo ước tính của IMF (1/2011), năm 2010, các nền kinh tế phát triển chỉ tăng trưởng 3%, trong khi các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển tăng trưởng với tốc độ trung bình đạt 7,1% (gấp 2,4 lần). Năm 2011, các con số tương ứng là 2,5% và 6,5%.

¹⁹ BRICS gồm 5 nước: Braxin, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc, Nam Phi. Năm 2010, chỉ tính 4 nước gồm Braxin, Ấn Độ, Nga và Trung Quốc đã chiếm 24,5% GDP toàn cầu, dự trữ ngoại hối chiếm 44%, lượng hàng hóa xuất khẩu chiếm 14,57%.

trọng trong quản trị kinh tế toàn cầu, đồng thời gánh vác nhiều trách nhiệm hơn đối với sự ổn định tài chính và kinh tế thế giới.

Sự lớn mạnh đó làm cho vai trò của Mỹ với vị trí là siêu cường đơn cực cả về chính trị, quân sự và kinh tế tiếp tục suy giảm. Dẫn đến xu hướng toàn cầu hóa phát triển theo hướng hạn chế sự chi phối của Mỹ, nâng cao vai trò của các nước đang phát triển với 2/3 số thành viên của Liên hợp quốc, giảm tiêu cực và tăng tích cực của toàn cầu hóa và dẫn đến cơ chế nhóm các nước G20 nổi lên thay thế cho G7 trở thành cơ chế hợp tác toàn cầu có ảnh hưởng lớn nhất tới kinh tế thế giới.

Hai là, xu thế tăng cường hợp tác và liên kết kinh tế quốc tế: Trong thời gian qua, kinh tế thế giới chứng kiến làn sóng liên kết kinh tế hết sức sôi động với hàng loạt các Hiệp định thương mại song phương (FTA) được đàm phán và ký kết, xuất hiện những khu vực thương mại tự do mới, làm thay đổi nhanh chóng tương quan thương mại toàn cầu. Phạm vi của các FTA được mở rộng bao gồm cả các quy định về các vấn đề liên quan đến thương mại như cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, và hoạt động mua sắm của Chính phủ. Khu vực Đông Á nổi lên như một khu vực với sự hợp tác năng động nhất. Đông Á đã và đang trở thành tâm điểm thế giới về sự năng động trong phát triển kinh tế với nguồn lực dồi dào. Mạng lưới sản xuất khu vực Đông Á đặc trưng với thương mại nội khối và nội ngành ngày càng tăng. Đặc biệt, mục tiêu hình thành một cộng đồng kinh tế Đông Á trong tương lai không chỉ thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác và hội nhập kinh tế trong khu vực mà còn giúp Châu Á cạnh tranh với 2 khối kinh tế lớn nhất thế giới hiện nay là Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ và Liên minh Châu Âu. Sự nỗ lực của các nước Đông Á, đặc biệt là Nhật Bản và ASEAN thông qua các diễn đàn đa phương và đẩy mạnh thành lập các FTA song phương sẽ giúp hình thành một khu vực Mậu dịch tự do Đông Á, hướng tới hình thành một cộng đồng kinh tế khu vực trong tương lai.

Ba là, ASEAN tăng cường liên kết để cạnh tranh: Các nước ASEAN đang có nhiều lợi thế cạnh tranh với các nước và khu vực khác trên tư cách thị trường tiêu thụ khổng lồ với hơn 600 triệu dân và giá nhân công rẻ. Tuy nhiên, ASEAN cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, bao gồm hệ thống luật pháp còn kém phát triển, cơ sở hạ tầng yếu kém và tình trạng tham nhũng lan tràn. Bên cạnh đó, do hình thành từ nhiều quốc gia riêng rẽ nên ASEAN không có được những lợi thế về quy mô, điều kiện di chuyển vốn và lao động dễ dàng như nhiều nước khác. ASEAN hiện đang mong muốn tạo nên sự liên kết chuỗi giữa các doanh nghiệp của các nước trong khối nhằm thúc đẩy phân công lao động khu vực, tăng năng lực cạnh tranh, tạo thêm công ăn việc làm, từ đó góp phần giảm khoảng cách giàu nghèo, giảm khoảng cách phát triển và thúc đẩy ổn định xã hội.

Một điều hết sức tích cực là trong bối cảnh khủng hoảng vừa qua, hợp tác ở khu vực Đông Á có xu hướng được đẩy mạnh, thông qua nhiều cơ chế như ASEAN + 1, liên kết đa phương khu vực Đông Á (ASEAN + 3), và các hiệp định thương mại tự do song phương. ASEAN đã luôn chứng tỏ được vai trò trung tâm, đóng góp hiệu quả với tiến trình xây dựng thể chế khu vực Đông Á và các thể chế liên khu vực ở Châu Á, Thái Bình Dương.

Bốn là, các nước tiếp tục việc thực hiện các biện pháp kích thích và bình ổn kinh tế: Trước tình trạng kinh tế trì trệ, thất nghiệp tăng cao và những bất ổn tài chính gia tăng, xu thế sử dụng các biện pháp kích thích và bình ổn kinh tế tiếp tục được thực hiện ở nhiều nước và khu vực trên thế giới. Tuy nhiên, tương phản với thời điểm mới xảy ra khủng hoảng tài chính, khi các biện pháp này được các nước thực hiện một cách đồng loạt và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các nước, các khu vực thì hiện nay, việc tiến hành các biện pháp kích thích và bình ổn kinh tế được các nước thực hiện riêng rẽ, hoàn toàn khác biệt và theo các hướng khác nhau. Trái ngược với sự tăng trưởng nóng của các nền kinh tế đang nổi, tại các nền kinh tế phát triển, nơi cầu nội địa vẫn yếu, thất nghiệp gia tăng và tình trạng trì trệ vẫn tiếp diễn thì việc sử dụng các gói kích thích, giảm thuế, tăng cường các chương trình phát hành trái phiếu để thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhằm tạo thêm việc làm, giải quyết tình trạng thất nghiệp cao vẫn là những biện pháp được ưu tiên.

Năm là, xu hướng dịch chuyển các dòng vốn thế giới:

- *Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài:* Nhìn chung dòng vốn FDI toàn cầu có xu hướng phục hồi trong năm 2010. Xét theo các nhóm nước thì sự phục hồi của dòng vốn FDI không đồng đều. FDI vào phần lớn các nước phát triển giảm mạnh, trong khi đó vào các nước đang phát triển thì tăng mạnh. Các yếu tố như quy mô thị trường lớn và chi phí lao động rẻ, tăng trưởng kinh tế nhanh và nguồn lao động có kỹ năng ngày càng tăng khiến cho các thị trường mới nổi trở nên hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, FDI vào các nền kinh tế này sẽ không chỉ hướng vào những ngành thâm dụng lao động và có giá trị gia tăng thấp nhất trong chuỗi giá trị mà hướng vào các hoạt động đổi mới, sáng tạo và thâm dụng công nghệ

Xét theo loại hình đầu tư thì M&A năm 2010 tăng gấp 2 lần năm trước, trở thành hình thức đầu tư quan trọng vào các nền kinh tế đang phát triển, là động lực chính cho sự phục hồi của dòng vốn FDI thế giới nhờ các điều kiện thuận lợi sau đây: Tình hình tài chính của các công ty đa quốc gia đang được cải thiện do lợi nhuận tăng; giá của thị trường chứng khoán đang ở mức cao hơn nhiều so với trước; quá trình tái cơ cấu công ty, ngành và nền kinh tế đang tạo ra nhưng cơ hội sát nhập và mua lại mới.

- *Vốn đầu tư gián tiếp (FII)*: Dòng vốn FII chảy vào các thị trường mới nổi năm 2010 đang gây ra nhiều bất ổn vĩ mô với các thị trường này như lạm phát, bong bóng tài sản. Do vậy, các thị trường đang nổi đã và đang thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế dòng vốn nóng đổ vào trong nước và xu hướng này sẽ tiếp tục duy trì trong thời gian tới. Một xu hướng mới nổi lên đối với dòng vốn FII trong những tháng đầu năm 2011 là các nhà đầu tư quốc tế đang có xu hướng rút tiền khỏi cá quỹ đầu tư thị trường mới nổi và đổ tiền vào các cổ phiếu vốn hóa lớn tại các nền kinh tế phát triển hơn. Bên cạnh đó, sự leo thang của cuộc khủng hoảng nợ công tại khu vực Eurozone đầu năm 2010 đã góp phần tăng cường lợi tức rủi ro của các thị trường mới nổi. Xu hướng này có thể tiếp tục diễn ra trong thời gian tới.

- *Vốn ODA*: Dòng vốn ODA toàn cầu năm 2010 vẫn tăng, bất chấp khủng hoảng kinh tế do phần lớn các nước tài trợ vẫn thực hiện mục tiêu đã cam kết. Dự báo các nước tài trợ ODA vẫn sẽ tiếp tục duy trì cam kết của mình trong năm 2011, nhưng những khó khăn về kinh tế tại những nước này có thể ảnh hưởng tới ODA toàn cầu. Đặc biệt là những khó khăn tại Nhật Bản – nước dẫn đầu thế giới về tài trợ vốn ODA.

Sáu là, xu hướng biến động giá cả hàng hóa thế giới: Kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi thể hiện qua sự phục hồi kinh tế của các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển, đã làm gia tăng nhu cầu tiêu thụ lớn các loại nguyên vật liệu đầu vào của quá trình sản xuất, gây áp lực lên giá cả hàng hóa. Theo dự báo của IMF, giá nguyên liệu sẽ vẫn theo xu hướng tăng do quá trình phục hồi kinh tế vẫn đang được đẩy mạnh tại các nước.

Bên cạnh đó, BDKH toàn cầu gây ảnh hưởng tiêu cực đến mùa màng khiến giá lương thực tăng cao. Giá cả của hàng hóa cao cùng với việc thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng là nguyên nhân gây nên tình trạng lạm phát tăng cao. Tình trạng này xảy ra tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, lan tỏa từ Châu Mỹ tới Châu Âu và Châu Á.

Bảy là, xu hướng phục hồi thương mại thế giới: Thương mại thế giới sẽ tiếp tục phục hồi mạnh mẽ nhờ nhu cầu từ các nền kinh tế đang nổi. Tăng trưởng thương mại của các nước phát triển chủ yếu dựa vào xuất khẩu tư liệu sản xuất, trong khi tăng trưởng thương mại của các nước đang phát triển là nhờ giá cả hàng hóa tăng cao. Xu hướng này sẽ tiếp tục diễn ra, song tốc độ tăng trưởng sẽ giảm do xu thế bảo hộ thương mại gia tăng dưới nhiều hình thức.

Tám là, xu thế tái cấu trúc hệ thống tài chính- ngân hàng sâu rộng trên toàn cầu. Từ nửa sau năm 2010, những bất ổn tài chính nổi lên trên thế giới như khủng hoảng nợ công với tốc độ lan nhanh và ngày càng nghiêm trọng, mâu thuẫn tỷ giá và sự can thiệp đơn phương của các NHTW nhằm điều chỉnh tỷ giá, nguy cơ của cuộc “chiến tranh tiền tệ”, bong bóng tài sản, nguy cơ lạm phát ở hầu hết các nền kinh tế,... khiến

các nhà kinh tế thực sự lo ngại về tương lai phục hồi bền vững của kinh tế thế giới. Những bất ổn này là nguyên nhân khiến xu thế cải tổ sâu rộng trong lĩnh vực tài chính đang và sẽ tiếp tục trở thành xu thế chính của nhiều nền kinh tế những năm tiếp theo. Trong số các nước tiến hành cuộc cải tổ tài chính, Mỹ và Châu Âu là những nước cải cách nhiều nhất. Châu Á cũng tham gia tích cực trong cải cách hệ thống tài chính thế giới và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong hệ thống tài chính thế giới hậu khủng hoảng. Các định chế tài chính quốc tế đã và đang tiến hành những cải cách quan trọng đề đối phó tốt hơn với những cuộc khủng hoảng trong tương lai và chính những cải tổ này sẽ tác động lớn tới hệ thống tài chính trong nhiều năm tới.

2. Tác động đến Việt Nam

2.1. Tác động đến kinh tế Việt Nam

Việc tham gia vào các khu vực mậu dịch tự do, cũng như các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế khác nhau, đặc biệt là hội nhập trong khu vực Đông Á vừa là động lực hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường vừa là hình thức gia tăng các động lực phát triển kinh tế Việt Nam. Việc tham gia vào các liên kết song phương và đa phương sẽ đem lại nhiều cơ hội song cũng không ít thách thức đối với Việt Nam, nhất là đối với doanh nghiệp Việt Nam khi hiệu quả chung của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay thấp.

Những tác động tích cực từ các FTA mà Việt Nam tham gia đang dần rõ nét, nhất là trong lĩnh vực thương mại. Theo các chuyên gia, trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, đây là thời điểm thuận lợi hơn cho Việt Nam khi các đối tác đã dỡ bỏ hầu hết thuế nhập khẩu trong khi Việt Nam mới chỉ ở giai đoạn đầu của việc cắt giảm. Tận dụng các FTA còn góp phần định hướng xuất khẩu các mặt hàng có giá trị cao và giảm tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng có giá trị thấp. Việc tham gia tích cực trong các liên kết trong khu vực và trên thế giới trong những năm vừa qua còn giúp Việt Nam tăng cường thu hút các nhà đầu tư kinh doanh thế giới, tham gia vào mạng lưới sản xuất khu vực và toàn cầu.

Tuy nhiên, khi tham gia vào các liên kết đan xen ở cấp độ khu vực và toàn cầu, những rủi ro đối với một nền kinh tế có xuất phát điểm thấp như Việt Nam sẽ rất lớn. Trên thực tế, với một số FTA đã ký kết, Việt Nam đang ở thế yếu hơn khi cán cân thương mại bị lệch, đẩy nhập siêu của Việt Nam tăng mạnh²⁰, thu hút được đầu tư về lượng, nhưng lại hạn chế về chất, nhất là khi các nhà đầu tư nước ngoài tranh thủ cơ hội đầu tư ở Việt Nam với nguồn tài nguyên dồi dào, nguồn nhân công giá rẻ, chi phí bảo vệ môi trường thấp.

²⁰ Tác động lo ngại nhất của các FTA đó chính là tình trạng nhập siêu. Đặc biệt là nhập siêu từ Trung Quốc, năm 2010 đạt 12,6 tỷ USD, bằng 102% mức nhập siêu cả năm. Đây là con số đáng báo động cho thấy rõ tác động tiêu cực từ FTA.

Xét trên bình diện doanh nghiệp, bên cạnh những cơ hội mà việc tham gia các FTA mang lại, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải đối diện với nhiều thách thức do phải hoạt động trong một môi trường khắc nghiệt. Hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam còn nhiều yếu kém, trình độ nguồn nhân lực, trình độ quản lý thấp, hiệu quả hoạt động thấp, khả năng trang bị và vận hành máy móc thấp, trình độ khoa học và công nghệ yếu kém, tỷ lệ áp dụng khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất kinh doanh còn nhiều hạn chế,... Có thể nói, nếu Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam không có những bước đi thích hợp, không có những chính sách quyết liệt như tái cơ cấu doanh nghiệp, tái cơ cấu ngành, lĩnh vực, và tái cơ cấu nền kinh tế, gia tăng giá trị gia tăng... nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh thì phần thua thiệt sẽ thuộc về các doanh nghiệp Việt Nam.

Về lâu dài, năng lực cạnh tranh là yếu tố quyết định sự thành bại của nền kinh tế khi thực hiện cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Do đó, Chính phủ, các tổ chức và doanh nghiệp cần tập trung mọi nguồn lực phát triển đột phá trong 3 lĩnh vực đang cản trở việc nâng cao năng lực cạnh tranh đó là: nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng, và cải cách hành chính.

Ngoài ra, sự biến động đáng kể của các đồng tiền mạnh như EUR, USD và Yên Nhật, và sự gia tăng bảo hộ mậu dịch²¹ của các quốc gia sẽ có những tác động đáng kể đến hoạt động thương mại của Việt Nam.

2.2. Tác động tới lĩnh vực tài chính – tiền tệ

Việt Nam nằm trong khu vực Châu Á là một trong những khu vực có tốc độ tăng trưởng và mở cửa hội nhập mạnh mẽ nhất thế giới. Do đó, Việt Nam không thể tránh khỏi những tác động do những biến động của kinh tế thế giới gây ra. Trong số các lĩnh vực của nền kinh tế, lĩnh vực tài chính tiền tệ được xem là lĩnh vực dễ bị tác động nhất. Có thể nói, những bất ổn tài chính của kinh tế thế giới trong những năm vừa qua và những xu hướng có thể diễn ra trong năm nay, đã và sẽ có thể gây ra những tác động tiêu cực tới lĩnh vực tài chính tiền tệ của Việt Nam trong những năm tới bởi một số lý do sau đây:

Một là, việc giá cả một số mặt hàng lương thực, nguyên vật liệu,... và chỉ số CPI tăng cao tại một số nền kinh tế, đồng thời việc bơm một khối lượng tiền khổng lồ của FED vào nền kinh tế sẽ khiến giá cả hàng hóa toàn cầu tăng cao và dẫn đến tình trạng

²¹ Bộ Thương mại Mỹ đã đưa ra 14 đề xuất giúp cường sự thi hành các đạo luật về chống bán phá giá và chống trợ cấp của Mỹ. Những đề xuất này sẽ liên quan đến quy trình và cách thức điều tra với các nước trong thời gian tới. Bên cạnh đó, Mỹ còn áp dụng các luật mới về tiêu chuẩn an toàn sản phẩm và các chất bị hạn chế đối với hầu hết các mặt hàng xuất khẩu được coi là thế mạnh của Việt Nam vào thị trường này như các sản phẩm giày da, may mặc, đồ gỗ và các mặt hàng tôm cá,... khi các thị trường này.

lạm phát diễn ra ở hầu hết các nước. Các yếu tố này cũng là một trong những nguyên nhân gây ra lạm phát cao ở Việt Nam.

Để đối phó với lạm phát tăng cao, nhiều nước đã khởi động chính sách thắt chặt tiền tệ. Hàng loạt các NHTW các nước đã tiến hành việc nâng lãi suất. Ở Việt Nam, NHNN cũng đã tiến hành chính sách thắt chặt tiền tệ, theo đó các lãi suất cơ bản đều được tăng lên, mức tăng trưởng tín dụng bị hạn chế.... Trong thời gian tới, việc tiếp tục thắt chặt tiền tệ sẽ vẫn diễn ra khi lạm phát vẫn là mối lo ngại thường trực.

Hai là, xu thế gia tăng dự trữ vàng của các NHTW các nước mà không đưa ra bất kỳ thông tin nào về giá thị trường cùng với chính sách duy trì đồng USD yếu của Mỹ đã đẩy giá vàng trên thế giới tăng cao. Điều này khiến thị trường vàng Việt Nam không thể tránh khỏi những tác động. Giá vàng tại thị trường Việt Nam trong năm 2010 đã tăng mạnh, và đạt đỉnh điểm vào tháng 11/2010 đã vượt 38 triệu đồng/lượng, nhưng sau đó giảm xuống nhanh và mạnh, thị trường trở nên hỗn loạn và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Một số chuyên gia kinh tế nhận định, giá vàng trong và ngoài nước trong thời gian tới còn diễn biến phức tạp và nhiều khả năng sẽ tăng cao. Giá vàng tăng khiến giá các mặt hàng khác tăng lên và đây cũng là một nhân tố khiến sức ép lạm phát ở Việt Nam thêm căng thẳng.

Ba là, việc can thiệp đơn phương của nhiều nước vào thị trường ngoại hối và nhằm hạ giá đồng tiền nội tệ thời gian qua, chính sách duy trì đồng tiền yếu của nhiều nước, đặc biệt là Trung Quốc và Mỹ khiến Việt Nam không thể tránh khỏi những hệ lụy. Tỷ giá đồng VND/USD trong giai đoạn vừa qua có nhiều bất ổn. Trong khi đồng USD đang giảm mạnh trên thế giới thì đồng VND lại mất giá so với USD, nên VND càng trở nên mất giá hơn nữa so với các đồng tiền khác. Hậu quả là Việt Nam phải nhập khẩu hàng hóa với giá đắt hơn trước nhiều và điều này dẫn đến lạm phát. Ngoài ra, đồng tiền Việt Nam mất giá so với các đồng tiền khác trên thế giới sẽ gây áp lực lên gánh nặng trả nợ nước ngoài của Việt Nam.

2.3. Tác động từ xu hướng tái cấu trúc nền kinh tế và tái cấu trúc ngành tài chính – ngân hàng

Nền kinh tế các nước sẽ được tái cấu trúc theo hướng quan tâm hơn nữa đến phát triển bền vững, chú trọng thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Xu hướng mở rộng sự tham gia của người dân vào các vấn đề xã hội tạo thuận lợi phát huy vai trò của xã hội dân sự, cùng với Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội phức tạp.

Ngoài ra, xu thế của các quốc gia tăng cường cải tổ sâu rộng các định chế tài chính đang được tiến hành trong thời gian gần đây đã tạo ra làn sóng mới hoàn thiện cơ sở luật pháp trong mỗi nước và quốc tế, cũng như thành lập thêm các định chế cần thiết, tăng

cường các hoạt động và công cụ hữu hiệu nhằm hỗ trợ giám sát tài chính nhà nước và bảo vệ người tiêu dùng trong các hoạt động tài chính quốc gia.

Với cơ chế tài chính tiền tệ vẫn còn nhiều bất cập, Việt Nam càng nhận thức rõ sự cần thiết của yêu cầu giám sát tài chính, bảo đảm an toàn cho hệ thống tài chính – ngân hàng quốc gia, vì thế đã và đang có nhiều động thái cần thiết và đúng hướng. Chẳng hạn, việc thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Chính phủ về kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô,... Về tổng thể, việc liên tục đánh giá và cải cách cơ sở pháp lý điều chỉnh hệ thống tài chính là việc làm cần thiết nhằm ngăn ngừa khủng hoảng trong tương lai. Trong đó cần xác định hướng phát triển tổng thể của hệ thống tài chính, xác định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan giám sát, ổn định tài chính.

2.4. Tác động từ xu hướng dịch chuyển của dòng vốn thế giới

Nhờ triển vọng phục hồi của dòng vốn FDI toàn cầu và lòng tin kinh doanh ngày càng tăng, dòng vốn FDI vào Việt Nam trong những năm tới có thể đón nhận những tín hiệu tích cực. Bên cạnh đó, việc Chính phủ bắt đầu thắt chặt tiền tệ sẽ góp phần kiểm soát lạm phát, bình ổn tỷ giá đồng VNĐ, từ đó khôi phục lòng tin của các nhà đầu tư nước ngoài, đó cũng là một nhân tố thúc đẩy dòng vốn FDI vào Việt Nam.

Xu hướng chuyển dịch đầu tư của dòng vốn FII tác động tiêu cực tới Việt Nam khiến dòng vốn FII suy giảm. Tuy Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao nhưng có 3 nút thắt mà các nhà đầu tư nước ngoài lo lắng đó là: tính an toàn của hệ thống ngân hàng trong bối cảnh tín dụng tăng trưởng cao; bất ổn tỷ giá với sức ép từ thâm hụt cán cân vãng lai và lạm phát, những trở ngại trong việc mua bán ngoại tệ; tính khó dự đoán của chính sách ở Việt Nam. Để thu hút mạnh hơn dòng vốn FII, bên cạnh việc kiểm chế lạm phát và bình ổn tỷ giá, Việt Nam cần tập trung phát triển thị trường tài chính, nâng cao thanh khoản, tăng quy mô của thị trường chứng khoán Việt Nam, đa dạng hóa các sản phẩm tài chính, nâng cao tính minh bạch, khuyến khích các dòng vốn dài hạn từ quỹ đầu tư liên kết, bảo hiểm, quỹ hiểm,...

Trong bối cảnh, các nước thực hiện chính sách thắt chặt tài khóa bao gồm cả kế hoạch cắt giảm tài trợ, vốn ODA ký kết và giải ngân của Việt Nam có thể sẽ ở mức thấp hơn năm trước. Do đó, vấn đề mà Việt Nam quan tâm trong thời gian tới là tìm cách nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA.

V. Tổng kết

1. Cơ hội và kịp thời tận dụng cơ hội-thách thức và kịp thời vượt qua thách thức

1.1. Cơ hội và kịp thời tận dụng cơ hội

Thứ nhất, toàn cầu hóa và kinh tế tri thức tạo khả năng rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế và mang lại sự nhảy vọt cơ cấu về công nghệ, sản phẩm.

Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Hội nhập kinh tế quốc tế mở ra thị trường rộng lớn để xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, đồng thời tạo điều kiện cho nước ta tiếp nhận vốn, công nghệ sản xuất và công nghệ quản lý cũng như các khoản vay ưu đãi từ các nước. Đây là những nguồn lực to lớn góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa của nước ta.

Trong 10 năm tới, Việt Nam đứng trước cơ hội rất quan trọng về mặt kinh tế, đó là sự dịch chuyển công nghiệp và kinh tế từ các thị trường và các nền kinh tế khác vào Việt Nam nhằm khai thác thị trường đang nổi lên của nước ta. Sự dịch chuyển này còn được gọi là *hiệu ứng đàn sếu*. Cần tranh thủ các cơ hội để thu hút các nền kinh tế phát triển hơn đầu tư vào nước ta bằng các nguồn lực tài chính mới, công nghệ nguồn mới. Cần định dạng rõ những yếu tố mà trong bối cảnh hội nhập sẽ tạo cơ hội và kèm theo đó là những thách thức, những yếu tố gây hại nguy hiểm để có các chính sách đón nhận cái đáng đón nhận, sàng lọc và kiên quyết loại trừ cái đáng loại trừ một cách khoa học và hiệu quả.

Bên cạnh đó, cần có chính sách thu hút kiều bào ở nước ngoài tham gia vào công cuộc phát triển kinh tế đất nước, góp phần chuyển giao khoa học công nghệ và tạo cầu nối để hàng hóa nước ta tham gia vào chuỗi thương mại và sản xuất toàn cầu.²²

Thứ hai, khu vực Đông Nam Á tăng trưởng và liên kết mạnh, các nước ASEAN bước vào thời kỳ hợp tác mới theo Hiến chương ASEAN và xây dựng Cộng đồng dựa trên ba trụ cột: chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội; hợp tác với các đối tác tiếp tục phát triển và đi vào chiều sâu. Đây chính là cơ hội để các doanh nghiệp Việt nam mở rộng tiếp cận các thị trường “ngách”.

Thứ ba, hội nhập kinh tế cũng đưa lại cơ hội để Việt Nam bổ sung và hoàn thiện thể chế của mình cho phù hợp với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Dưới sức ép của hội nhập, Việt Nam sẽ phải nỗ lực hoàn thiện khuôn khổ pháp luật có liên quan đến kinh tế và thương mại của mình. Trước hết, phải liên tục hoàn thiện môi trường kinh doanh để thu hút đầu tư và phát huy mọi tiềm lực của tất cả các thành phần kinh tế. Đồng thời không ngừng hoàn thiện các quy định về cạnh tranh để bảo đảm một môi trường cạnh tranh lành mạnh và công bằng khi hội nhập.

1.2. Thách thức và kịp thời vượt qua thách thức

(i) Thách thức từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Những lợi ích của hội nhập kinh tế đã rõ ràng, tuy nhiên, bên cạnh những mặt thuận lợi ấy, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng đặt ra những thách thức to lớn cho Việt Nam.

²² Anh Tú, Kinh tế Việt Nam 2011- 2020: Cơ hội và thách thức từ hội nhập toàn cầu, www.nguoidaibieu.com.vn

Một là, hội nhập kinh tế khiến cạnh tranh trở nên quyết liệt hơn. Cạnh tranh không chỉ giữa doanh nghiệp nước ta với doanh nghiệp các nước trên thị trường nước ngoài để xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ mà cạnh tranh ngay trên thị trường trong nước. Điều đó gây sức ép không nhỏ đối với nhiều doanh nghiệp, nhất là những doanh nghiệp đã quen với sự trợ giúp của Nhà nước, những doanh nghiệp có tiềm lực tài chính và công nghệ yếu kém mà tình trạng này lại khá phổ biến ở doanh nghiệp nước ta.

Hai là, hội nhập kinh tế quốc tế với sự chuyển dịch tự do qua biên giới các yếu tố của quá trình tái sản xuất hàng hóa và dịch vụ tiềm ẩn nhiều rủi ro, trong đó có cả những rủi ro về mặt xã hội. Thách thức ở đây là phải đề ra được những chính sách đúng đắn nhằm tăng cường khả năng kiểm soát vĩ mô, nâng cao tính năng động và khả năng thích ứng nhanh của toàn bộ nền kinh tế, củng cố và tăng cường các giải pháp an sinh xã hội để khắc phục những khó khăn ngắn hạn. Tóm lại, phải tạo dựng được môi trường để quá trình chuyển dịch cơ cấu và bố trí lại nguồn lực diễn ra một cách suôn sẻ, với chi phí thấp.

Ba là, hội nhập kinh tế quốc tế mang lại cơ hội chuyển giao công nghệ rất lớn, nhưng thách thức đi kèm là nếu chúng ta không quản lý chặt chẽ sẽ rơi vào tình trạng nhập khẩu công nghệ lạc hậu của các nước. Việc phát triển quá nhanh ngành thép ở nước ta thời gian qua là một ví dụ điển hình. Công nghệ kém không chỉ khiến chúng ta mất rất nhiều tài nguyên và năng lượng, ít tạo ra giá trị gia tăng và nâng cao trình độ người lao động mà còn gây ô nhiễm môi trường khá nặng nề.

Bốn là, hội nhập kinh tế quốc tế đang đặt ra những yêu cầu hết sức cấp bách cho việc bổ sung và hoàn thiện thể chế. Trong thời gian qua, mặc dù đã có nhiều nỗ lực để hoàn thiện khuôn khổ pháp luật có liên quan đến kinh tế và thương mại nhưng chúng ta vẫn còn rất nhiều việc phải làm.

Năm là, hội nhập kinh tế quốc tế đã làm bộc lộ nhiều bất cập của nền hành chính quốc gia. Do một trong những nguyên tắc chủ đạo của WTO là minh bạch hóa nên khi gia nhập WTO, nền hành chính quốc gia chắc chắn sẽ phải có sự thay đổi theo hướng công khai hơn, minh bạch hơn và hiệu quả hơn. Đó phải là nền hành chính vì quyền lợi chính đáng của mọi người dân, trong đó có doanh nghiệp và doanh nhân; lấy người dân, doanh nghiệp, doanh nhân làm trọng tâm phục vụ, khắc phục mọi biểu hiện trì trệ, thờ ơ và vô trách nhiệm. Nếu không tạo ra được một nền hành chính như vậy thì chẳng những không tận dụng được các cơ hội do hội nhập kinh tế nói chung và việc gia nhập WTO nói riêng đem lại, mà cũng không chống được tham nhũng, lãng phí nguồn lực.

Sáu là, thách thức về nguồn nhân lực. Để bảo đảm tiến trình hội nhập đạt hiệu quả, bên cạnh quyết tâm về chủ trương, cần phải có một đội ngũ cán bộ quản lý nhà

nước và đội ngũ doanh nhân đủ mạnh. Đây là một thách thức to lớn đối với Việt Nam do phần đông cán bộ của ta còn bị hạn chế về kinh nghiệm điều hành nền kinh tế mở, có sự tham gia của yếu tố nước ngoài. Nếu không có sự chuẩn bị phù hợp, thách thức này sẽ chuyển thành những khó khăn dài hạn rất khó khắc phục.

Bấy là, hội nhập kinh tế quốc tế dẫn đến sự hợp tác về an ninh và văn hóa. Việc mở cửa thị trường, mở rộng giao lưu trong điều kiện bùng nổ thông tin hiện nay, bên cạnh nhiều mặt tốt, cũng là dịp để những cái xấu cũng du nhập vào nước ta, đòi hỏi các cấp lãnh đạo, quản lý và mọi người dân phải nâng cao bản lĩnh chính trị, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc nhằm nâng cao sức đề kháng, chống lại sự tha hóa, biến chất, chống lại lối sống hưởng thụ, tự do tư sản...²³

(ii) Thách thức về phát triển bền vững.

Việt Nam hiện đang phải đối mặt với mâu thuẫn giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế cao với mục tiêu bền vững và năng lực quản trị phát triển. Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam khá cao và ổn định trong thời gian dài vừa qua song chất lượng tăng trưởng tương đối thấp. Mô hình tăng trưởng của Việt Nam trong nhiều năm qua dựa nhiều vào đầu tư, khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ, chưa chú trọng và chưa đạt được tiến bộ rõ nét về trình độ công nghệ và quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Sự lệ thuộc nặng vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng chính là lực cản đối với tăng trưởng và phát triển trong dài hạn. Bởi lẽ, dư địa cho việc khai thác các yếu tố này ngày càng bị thu hẹp, đến một lúc nào đó sẽ không thể đủ để đáp ứng các yêu cầu phát triển. Lúc đó, nền kinh tế sẽ bị sụt giảm tăng trưởng và thậm chí là tụt dốc. Nguy cơ này là tương đối rõ ràng đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay.²⁴

(iii) Thách thức từ quá trình đô thị hóa nhanh chóng.

Trong thời gian tới quá trình đô thị hóa nhanh chóng dẫn đến nhiều hệ lụy như quá tải cơ sở hạ tầng, tắc đường, ô nhiễm môi trường; nguy cơ mất an ninh lương thực... Trên thực tế, cơ sở hạ tầng ở hầu hết các thành phố của Việt Nam còn nhiều yếu kém, không đáp ứng được nhu cầu phát triển. Hiện nay, các đô thị lớn tại nước ta như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đang đối mặt với sức ép tăng dân số cơ học quá nhanh và quá tải hạ tầng cơ sở. Trong khi đó, làn sóng người lao động từ khu vực nông thôn ra đô thị tìm kiếm việc làm ngày càng lớn. Để giải quyết vấn đề này, cần có các biện pháp để người dân có thể *ly nông nhưng không ly hương*, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, chẳng hạn như triển khai chương trình đào

²³ Anh Thi, 6 thách thức trong tiến trình Hội nhập Kinh tế quốc tế của Việt Nam, 20/4/2006, www.vietbao.vn

²⁴ CIEM, Trung tâm Thông tin Tư liệu, Thông tin chuyên đề “Vượt qua bẫy thu nhập trung bình – Một số kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị về đối sách của Việt Nam”, Số 01/2010

tạo nghề cho người dân nông thôn, với nhiều trung tâm dạy nghề do Chính phủ tài trợ, nhằm giữ chân người dân nông thôn ở lại quê nhà (kinh nghiệm của Ấn Độ).²⁵

Bên cạnh đó, vấn đề ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường ở các thành phố lớn và các khu công nghiệp cũng như các làng nghề thủ công đang là một vấn đề nhức nhối đối với các nhà hoạch định chính sách ở Việt Nam. Không chỉ vậy, các nguồn tài nguyên rừng, nước, tài nguyên khoáng sản,... cũng đã “kêu cứu” từ nhiều năm nay do tình trạng chạy theo tăng trưởng, khai thác quá mức, thiếu bền vững nghiêm trọng.

Trước vấn đề này, Việt Nam chọn hướng đi là phát triển bền vững và áp dụng mô hình phát triển xanh để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Chính phủ cam kết phát triển kinh tế nhưng sẽ không phát triển bằng mọi giá. Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trong khu vực châu Á là nơi cung cấp lương thực quan trọng cho thế giới. Nếu mỗi quốc gia không chủ động ngăn chặn những tác động của biến đổi khí hậu sẽ tạo nguy cơ mất an ninh lương thực toàn cầu, kéo theo nhiều bất ổn khác.

(iv) Thách thức vượt qua bẫy thu nhập trung bình.

Một trong những thành tựu của quá trình đổi mới ở Việt Nam là luôn đạt và duy trì được tốc độ tăng trưởng GDP cao vào loại hàng đầu trong khu vực và cả trên thế giới. Nhờ vậy, thu nhập bình quân đầu người cũng không ngừng tăng lên. Với mức GDP bình quân đầu người đạt trên 1.000 đô la Mỹ năm 2008, Việt Nam đã chính thức gia nhập nhóm các nước có mức thu nhập trung bình. Tuy vậy, nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng, bẫy thu nhập trung bình đang đợi nền kinh tế Việt Nam ở phía trước. Nhận định này càng thêm có cơ sở khi nền kinh tế còn những hạn chế sự tăng trưởng và phát triển dài hạn. Nhiều vấn đề đã nảy sinh từ nhiều năm nay và càng trở nên nổi cộm trong những năm gần đây khi nền kinh tế phải hứng chịu những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu.²⁶

(v) Thách thức mất cân đối về kinh tế.

Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân và cơ cấu kinh tế ngành (nông – lâm – thủy sản, công nghiệp – xây dựng và dịch vụ) theo giá trị sản xuất còn chậm và không đồng đều giữa các ngành, các vùng và địa phương. Bên cạnh đó, một thực tế là chúng ta đã bỏ lỡ một số cơ hội, nhất là những cơ hội để phát triển một số ngành kinh tế kỹ thuật, chẳng hạn như ngành năng lượng, ngành công nghiệp phụ trợ. Việc chậm cải cách giá điện là một cản trở rất lớn cho việc phát triển nhanh hệ thống điện. Hay

²⁵ Ngọc Diệu, Cơ hội và thách thức cho phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2050, <http://daibieunhandan.vn>, 06/05/2011

²⁶ CIEM, Trung tâm Thông tin Tư liệu, Thông tin chuyên đề “Vượt qua bẫy thu nhập trung bình – Một số kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị về đổi mới của Việt Nam” – Số 01/2010

việc kéo dài thời gian phát triển công nghiệp lắp ráp trong khi đúng ra cần phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ đã làm chậm lại quá trình chuyển giao công nghệ và tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu của Việt Nam.²⁷

(vi) Thách thức từ nguy cơ lạm phát cao.

Lạm phát năm 2010 của Việt Nam đã ở mức 11,75% và nguy cơ lạm phát hai con số trong năm 2011 là hoàn toàn hiện hữu khi mà chỉ số giá tiêu dùng trong 4 tháng đầu năm 2011 đã tăng hơn 12%. Các nhà hoạch định chính sách cần đặt ưu tiên kiểm chế lạm phát lên hàng đầu, cân nhắc các biện pháp kiểm soát lạm phát.

(vii) Thách thức về thay đổi mô hình kinh tế bao gồm tái cấu trúc kinh tế.

Mô hình phát triển của nước ta trong nhiều năm qua là mô hình hướng ngoại, dựa nhiều vào xuất khẩu (chiếm tới 70% GDP) và thu hút đầu tư nước ngoài (vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm từ 16% trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội của những năm 2000 – 2005 đã lên trên 20% mấy năm gần đây, nếu cả đầu tư gián tiếp thì tỷ lệ này lên đến 30%). Vì vậy, khi kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng, hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam và thu hút đầu tư nước ngoài sẽ đối mặt với rất nhiều khó khăn. Cả hai lĩnh vực này, vốn là một trong những động lực tăng trưởng của Việt Nam thời gian qua, sẽ chững lại và tăng trưởng GDP sẽ nhanh chóng suy giảm theo. Việt Nam đứng trước thách thức phải thay đổi mô hình tăng trưởng kinh tế đi đôi với việc tái cấu trúc nền kinh tế.²⁸

Ngoài ra, trước mắt, các nền kinh tế châu Á trong đó có Việt Nam sẽ chịu ảnh hưởng ngắn hạn của thảm họa sóng thần tại Nhật Bản cũng như những tác động tiêu cực từ bất ổn chính trị - xã hội khu vực Bắc Phi và Trung Đông như đã phân tích ở trên.

2. Điều kiện và nguồn lực để thành công

2.1. Điều kiện có tính chất quyết định: tăng cường và phát huy nội lực của dân tộc

Tăng cường và phát huy nội lực của dân tộc được xem là điều kiện có tính chất quyết định sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước. Các nguồn lực trong nước có thể được huy động để phát triển kinh tế - xã hội là hết sức đa dạng, phong phú. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta hiện nay, cần đặc biệt quan tâm phát huy những nguồn nội lực chủ yếu sau đây:

- *Một, nguồn lực con người mà trung tâm là nguồn lực lao động:* Việt Nam là nước có dân số đông, tốc độ tăng dân số khá cao, tạo ra lực lượng lao động dồi dào, chi

²⁷ Anh Tú, Kinh tế Việt Nam 2011- 2020: Cơ hội và thách thức từ hội nhập toàn cầu, www.nguoidaibieu.com.vn

²⁸ CIEM, Trung tâm Thông tin Tư liệu, Thông tin chuyên đề “Vượt qua bẫy thu nhập trung bình – Một số kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị về đối sách của Việt Nam” – Số 01/2010

phí lao động thấp. Đây hiện đang là lợi thế so sánh quan trọng của nước ta. Mặt khác, con người Việt Nam có truyền thống yêu nước, cần cù, chịu khó, có tư chất thông minh và sáng tạo, có khả năng thích ứng nhanh với hoàn cảnh, phương thức ứng xử mềm mỏng, không cực đoan, thái quá, tích cực ủng hộ đổi mới, mở cửa đề hội nhập và phát triển... Đây là thế mạnh của con người Việt Nam, cũng là thế mạnh của nguồn lực con người Việt Nam, là sức mạnh của đất nước, là nguồn nội sinh quý giá không thể thay thế được của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- *Hai, nguồn lực đất đai và tài nguyên thiên nhiên:* Diện tích nước ta không lớn, song chúng ta vẫn còn gần 5 triệu ha đất trống, đồi núi trọc chưa được sử dụng. Đất canh tác của nước ta nhìn chung là màu mỡ, thích hợp với nhiều loại cây trồng có giá trị thương mại cao. Đất phi nông nghiệp còn tiềm năng vốn hóa lớn, nếu phát huy có hiệu quả sẽ tạo lượng vốn lớn cho phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đất đai, nước ta được xếp vào loại nước giàu tài nguyên ngư nghiệp, với khoảng 1 triệu ha mặt nước nội địa, 1 triệu ha mặt nước lợ - mặn, trên 3.200 km bờ biển, diện tích lãnh hải khoảng 1 triệu km² cùng nhiều loại thủy sản, hải sản phong phú, có giá trị kinh tế cao. Nước ta cũng được đánh giá là nước có tài nguyên khoáng sản phong phú với khoảng 5.000 điểm quặng, 60 loại khoáng sản khác nhau, trong đó có một số khoáng sản có trữ lượng lớn, có thể phục vụ tốt cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước như: than, sắt, bôxít, apatít, dầu mỏ, khí đốt...

- *Ba, nguồn lực vốn tài chính:* Trong những năm qua, nền kinh tế tăng trưởng liên tục với tốc độ khá cao, nên các nguồn lực vốn tài chính trong nước không ngừng tăng lên. Nguồn thu ngân sách nhà nước tăng lên đều đặn và sẽ còn gia tăng mạnh nếu hệ thống thuế hoạt động có hiệu quả cao. Khu vực doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty lớn sau nhiều năm phát triển kinh tế thị trường đã tích lũy được lượng vốn tài chính khá lớn, có tiềm lực và khả năng đảm nhiệm đầu tư những dự án lớn của đất nước. Khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước phát triển nhanh, có thể huy động các nguồn vốn đa dạng. Đặc biệt, nguồn vốn nhân rồi trong dân được đánh giá là rất dồi dào.

- *Bốn, nguồn lực khoa học và công nghệ:* Đội ngũ cán bộ khoa học của nước ta tăng nhanh, số cán bộ nghiên cứu trên 1.000 dân của nước ta cao hơn nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Một bộ phận đáng kể trong các cán bộ khoa học của nước ta về cơ bản có thể tiếp thu được những công nghệ tiên tiến của thế giới để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội nước nhà, từng bước phát huy được năng lực nghiên cứu, nhằm giải quyết những đòi hỏi của nền kinh tế về đổi mới công nghệ sản xuất. Các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nước ta phát triển mạnh về số lượng cũng như cơ sở vật chất, gồm các trường đại học, viện nghiên cứu, các phòng thí nghiệm,...

- *Năm, nguồn lực văn hóa vật thể và phi vật thể*: Đây được coi là nguồn lực lớn và hết sức quý giá. Chúng ta có các di sản văn hóa và thiên nhiên tầm cỡ thế giới, có hàng nghìn di tích cấp quốc gia, hàng trăm lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, sinh hoạt văn hóa... Đây là những yếu tố quan trọng đóng góp cho sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Yêu cầu hiện nay là phải huy động tối đa, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực này. Bên cạnh việc huy động các nguồn lực tự nhiên phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chúng ta phải có chính sách đúng đắn để có thể huy động được cao nhất các nguồn lực của dân, của các thành phần kinh tế. Đảng và Nhà nước phải tạo điều kiện thuận lợi để mọi thành phần kinh tế mở rộng các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, từ đó thu hút và giải quyết việc làm cho toàn bộ nguồn nhân lực của đất nước. Phải làm cho mọi người dân hễ có tiền là đưa vào đầu tư phát triển kinh tế chứ không phải cất trữ hoặc tiêu xài lãng phí.

Một yêu cầu đặc biệt quan trọng của phát huy nội lực là phải có sự phân bổ hợp lý các nguồn lực, tức là phải vừa đảm bảo cho nền kinh tế phát triển toàn diện trong các ngành, các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, song lại vừa có ưu tiên thỏa đáng cho những ngành, lĩnh vực quan trọng có ảnh hưởng sâu rộng đối với cả nước, có khả năng tạo ra sự phát triển đột phá của nền kinh tế. Phân bổ các nguồn lực phải tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đều có thể tiếp cận các nguồn lực một cách bình đẳng, trên cơ sở đó từng thành phần có thể đóng góp hết khả năng của mình cho sự phát triển chung của đất nước. Phân bổ các nguồn lực cần có sự hợp lý giữa các vùng, tức là vừa tạo ra được những vùng kinh tế trọng điểm, có sức mạnh kinh tế lớn, có thể thu hút, lôi kéo, hỗ trợ các vùng khác phát triển, lại vừa quan tâm đúng mức đến các vùng kém phát triển, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới hải đảo, bảo đảm sự phát triển tương đối đồng đều giữa các vùng trong cả nước. Phân bổ các nguồn lực cần hợp lý giữa lĩnh vực kinh tế và lĩnh vực xã hội, sao cho kinh tế và xã hội thường xuyên tạo điều kiện cho nhau, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển một cách bền vững.²⁹

2.2. Điều kiện có vai trò rất quan trọng: tranh thủ ngoại lực, xác định và thực hiện chính sách đối ngoại đúng đắn

(i) Thứ nhất, cần tranh thủ các nguồn ngoại lực. Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, các nguồn ngoại lực có thể được huy động cho phát triển đất nước là hết sức phong phú, đa dạng. Trong đó nguồn lực về vốn, tri thức và khoa học – công nghệ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đã và đang có những đóng góp to lớn cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

²⁹ CIEM, Trung tâm Thông tin Tư liệu, Thông tin chuyên đề “Phát huy nội lực, coi trọng thị trường nội địa, gắn với tranh thủ hợp lý, sử dụng hiệu quả ngoại lực để phát triển đất nước”, Số 7/2009

Trước hết phải kể đến vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Đây được xem là nguồn vốn quan trọng nhất, bổ sung hữu hiệu cho các nguồn vốn trong nước trong bối cảnh nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Trong thời gian tới, nhiều dự báo cho rằng vốn FDI tiếp tục tăng do Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh FDI, các nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII) cũng đổ vào Việt Nam ngày càng nhiều, cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Xu hướng dòng vốn này đổ vào Việt Nam vẫn tiếp tục gia tăng. Nguồn FII giúp cho nền kinh tế tăng tỷ lệ đầu tư mà không cần dựa hoàn toàn vào nguồn tiết kiệm trong nước; các doanh nghiệp trong nước có điều kiện tiếp cận với nguồn tiết kiệm nước ngoài, tận dụng nguồn vốn này để đầu tư, giảm bớt áp lực vốn trong quá trình mở rộng sản xuất, kinh doanh, giảm chi phí vay vốn. Nguồn vốn này cũng góp phần tăng cường cơ hội và đa dạng hóa phương thức đầu tư, phát triển thị trường tài chính nói riêng, hoàn thiện các thể chế và cơ chế thị trường ở Việt Nam nói chung.

Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trong những năm qua liên tục gia tăng và góp một phần quan trọng vào tổng đầu tư toàn xã hội, vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phát triển kết cấu hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, phát triển năng lượng và công nghiệp, phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ... Cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế vẫn tiếp tục thể hiện sự cam kết cao và sự ủng hộ mạnh mẽ trong việc hỗ trợ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Ngoài ra, một nguồn lực tài chính quan trọng nữa cần phải kể đến là nguồn kiều hối gửi về nước hàng năm. Hiện có khoảng 3 triệu Việt kiều đang sinh sống ở khoảng 40 nước, chủ yếu là các nước có nền kinh tế phát triển, có thu nhập cao. Theo đánh giá của Liên hợp quốc, Việt Nam hiện nằm trong top 10 nước nhận kiều hối lớn nhất thế giới. Nguồn kiều hối không chỉ góp phần làm giảm thâm hụt cán cân vãng lai, mà còn trở thành nguồn vốn quan trọng cho phát triển đất nước nếu chúng ta có các chính sách huy động đúng đắn.

Đi kèm với các nguồn đầu tư nước ngoài đổ vào Việt Nam còn có các nguồn lực quan trọng khác, bao gồm tri thức và khoa học – công nghệ. Hiện nay, có số liệu cho rằng có tới 90% các hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam là ở các doanh nghiệp FDI. Vì vậy, có thể nói rằng hoạt động đầu tư nước ngoài đã du nhập vào Việt Nam những công nghệ hiện đại, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Bên cạnh công nghệ, còn có những nguồn lực quý báu khác được chuyển giao vào Việt Nam như tri thức, kỹ năng quản lý tiên tiến, tác phong lao động công nghiệp,... góp phần quan trọng vào việc phát triển nguồn nhân lực Việt Nam. Trong số hơn 3 triệu Việt kiều đang sinh sống ở khắp các châu lục có khoảng hơn 300 nghìn

nhà khoa học, trong đó có nhiều người luôn sẵn sàng phục vụ đất nước. Đây là nguồn tri thức, khoa học và công nghệ quý giá, có thể được huy động cho công cuộc phát triển kinh tế, xã hội.

Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay, nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới gặp nhiều khó khăn, trong khi đó chúng ta có những lợi thế cơ bản, cần tranh thủ cơ hội này để tăng cường thu hút các nguồn ngoại lực. Để khơi thông nguồn ngoại lực từ bên ngoài, góp phần nhân lên sức mạnh của nguồn nội lực phục vụ cho chiến lược phát triển đất nước, Việt Nam cần tạo môi trường pháp lý thuận lợi, cải thiện môi trường đầu tư, kết hợp hài hòa giữa chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại.

Trong quá trình thu hút các nguồn ngoại lực, cần có định hướng đúng, có nghĩa là tranh thủ các nguồn ngoại lực có đóng góp hữu hiệu nhất cho công cuộc phát triển đất nước. Chẳng hạn, trong lĩnh vực FDI, cần quan tâm nhiều đến những đối tác có tiềm lực về vốn và công nghệ.

Bên cạnh việc định hướng đúng trong thu hút các nguồn ngoại lực, cần sử dụng có hiệu quả các nguồn lực này, đặc biệt là nguồn ODA. Tính hiệu quả của nguồn vốn FDI là do doanh nghiệp và thị trường quyết định, còn ODA phần lớn là vốn đi vay, nếu sử dụng không có hiệu quả sẽ tạo gánh nặng nợ phải trả cho các thế hệ mai sau.

(ii) Thứ hai, thực hiện chính sách đối ngoại đúng đắn, tiếp tục con đường hội nhập, tăng cường liên kết khu vực qua các hợp tác song phương, đa phương. Trong hội nhập kinh tế đa phương, khu vực quan trọng nhất của nước ta là ASEAN. Đối phó với khủng hoảng tài chính toàn cầu, một mặt cần tiếp tục củng cố thiết chế tài chính – ngân hàng của mình, tăng cường tính an toàn của hệ thống tài chính, củng cố niềm tin của giới đầu tư, kinh doanh; mặt khác, Việt Nam cần tăng cường phối hợp chính sách tài chính - tiền tệ trong nội bộ ASEAN và giữa ASEAN với các nước có nền kinh tế quy mô lớn, vững mạnh và dự trữ ngoại tệ dồi dào trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Trong thời gian tới, Việt Nam cần tăng cường hợp tác với Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Liên bang Nga và EU. Đây là những đối tác lớn của Việt Nam góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động kinh tế đối ngoại, thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tăng cường thế và lực của nước ta trên trường quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anh Tú, Kinh tế Việt Nam 2011- 2020: Cơ hội và thách thức từ hội nhập toàn cầu, nguoidaibieu.com.vn Anh Thi, 6 thách thức trong tiến trình Hội nhập Kinh tế quốc tế của Việt Nam, 20/4/2006, www.vietbao.vn
2. Bộ Công Thương, Quý I: Xuất khẩu sang châu Phi tăng 27%, <http://www.ven.vn>, 02/5/2011
3. CIEM, Trung tâm Thông tin – tư liệu, Thông tin chuyên đề “Biến đổi khí hậu toàn cầu giải pháp của Việt Nam”, tháng 04/2008
4. CIEM, Trung tâm thông tin – Tư liệu, Thông tin chuyên đề “Bảo vệ môi trường để phát triển bền vững”, số 05 2007w
5. CIEM, Trung tâm Thông tin Tư liệu, Thông tin chuyên đề “Phát huy nội lực, coi trọng thị trường nội địa, gắn với tranh thủ hợp lý, sử dụng hiệu quả ngoại lực để phát triển đất nước”, Số 7/2009
6. CIEM, Trung tâm Thông tin Tư liệu, Thông tin chuyên đề “Vượt qua bẫy thu nhập trung bình – Một số kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị về đối sách của Việt Nam”, Số 01/2010
7. Dự báo kinh tế thế giới năm 2011, Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội Quốc gia, tháng 02/2011
8. Ngọc Diệu, Cơ hội và thách thức cho phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2050, <http://daibieunhandan.vn>, 06/05/2011
9. Đồng Đức, Biến động chính trị ở Bắc Phi, Trung Đông và những hệ lụy, <http://tapchiquptd.vn>, 04/ 4/2011
10. Hà Khoa, Trung Đông-Bắc Phi bất ổn, dầu mỏ tiếp tục lĩnh hậu quả, 07/4/2011, <http://www.tinmoi.vn>
11. Hương Thủy, Xăng, dầu đồng loạt tăng giá mạnh từ 10g sáng 24-2, <http://www.hanoimoi.com.vn>, 24/02/2011
12. Hoàng Đức Nhuận, Quan hệ hợp tác thương mại và công nghiệp Việt Nam-Châu Phi không ngừng phát triển
13. Kumao Kaneko, Suy nghĩ về hợp tác năng lượng hạt nhân Việt Nam – Nhật Bản, Nghiên cứu Đông Bắc Á, tháng 02 - 2011
14. Nhân Trí, Khai phá thị trường châu Phi, <http://vov.vn>, 11/3/2011
15. Nhật Minh, Tăng giá xăng dầu làm lạm phát tăng 0,4%, www.vnexpress.net, 30/3/2011

16. Những vấn đề nổi bật trong quý I/2011 và dự báo kinh tế quý II/2011, Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế xã hội quốc gia, 2011
17. Nguyễn Chiến, Bất ổn ở Bắc Phi và Trung Đông tác động tiêu cực thị trường dầu mỏ, <http://nguyentandung.org>, 26/02/2011
18. Nguyễn Nguyên, Dầu lửa trong cơn biến động Trung Đông, <http://toquoc.vn>, 5/3/2011
19. Nguyễn Việt, Bất ổn Trung Đông - Bắc Phi và cơn ác mộng giá dầu mỏ, Dân trí, 20/02/2011
20. Nguyễn Thị Quế, Biến động chính trị ở Bắc Phi - Trung Đông và ảnh hưởng tới châu Á, <http://www.nhandan.com.vn>, 28/03/2011
21. Petrolimex, Bản tin thị trường xăng dầu số 28, <http://xangdau.net>, 09/5/2011
22. Petrolimex, Bản tin thị trường xăng dầu số 26, <http://xangdau.net>, 04/4/2011
23. 04/4/2011
24. Petrolimex, Giá xăng tăng lên 21.300 đồng/lít, www.petrolimex.com.vn, 29/3/2011
25. Phạm Quốc Trụ, Biến động chính trị ở Bắc Phi, Trung Đông và tác động đối với thế giới, Tạp chí Cộng sản – số 822 (tháng 4/2011)
26. Thái Văn Long, Biến động chính trị ở Bắc Phi, Trung Đông và một số ảnh hưởng đến Việt Nam, Tạp chí Lý luận chính trị - Số tháng 4/2011
27. Thùy Chi, Giá vàng lập kỷ lục mới 1.467,07 USD mỗi ounce, <http://www.vietnamplus.vn>, 08/4/2011
28. Trần Quang Minh, Đặng Xuân Thanh, Phạm Quý Long, Dương Minh Tuấn, Về những ảnh hưởng của động đất, sóng thần và sự cố hạt nhân tại Nhật Bản ngày 11/03/2011, Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 03 - 2011
29. Văn kiện Đại hội Đảng XI, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020
30. Việt Phương, Phát triển điện hạt nhân, ủng hộ hay phản đối, Tia sáng, số 10 - 2011
31. Vụ tuyên truyền, Đề cương tuyên truyền về biến động chính trị - xã hội ở một số nước thuộc Bắc Phi và Trung Đông, tháng 3/2011
32. Một số nguồn khác trên Internet